

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06/01/2015, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 07/02/2017)



HONGHA

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày... tháng... năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU LIÊN QUAN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Điện thoại: 02126.255.599

Fax: 02126.255.599

Website: <http://honghagroup.com.vn>

Email: info.honghasonla@gmail.com

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 1, tòa nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28)-3820 8116

Fax: (84-28)-3820 8117

Website: <https://www.vCBS.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên : Nguyễn Tiến Nam

Chức vụ : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Số điện thoại : 02126.255.599

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06/01/2015, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 07/02/2017)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng khối lượng niêm yết: 12.600.000 cổ phiếu.

Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: 126.000.000.000 đồng.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3824.1990

Fax: 024.3825.3937

Website: <http://www.aasc.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 1, Tòa nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28)-3820 8116

Fax: (84-28)-3820 8117

Website: <https://www.vcbs.com.vn/>

MỤC LỤC

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp	10
3. Rủi ro đặc thù.....	11
4. Rủi ro tăng vốn nhanh	13
5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán.....	12
6. Rủi ro khác	13
PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	14
1. Tổ chức niêm yết.....	14
2. Tổ chức tư vấn.....	14
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....	15
PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	16
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	23
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 19/12/2017.....	30
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.	32
6. Hoạt động kinh doanh	32
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	60
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	64
9. Chính sách đối với người lao động	69
10. Chính sách cổ tức	71
11. Tình hình tài chính	71
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	78
13. Tài sản	91
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	92
15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	97

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:	97
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	97
PHẦN V.CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	98
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	98
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.	98
3. Mã chứng khoán HSL.....	98
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: 12.600.000 cổ phiếu	98
5. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký niêm yết theo mệnh giá: 126.000.000.000 đồng.	98
6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....	98
7. Giá trị sổ sách.....	99
8. Phương pháp tính giá.....	99
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	103
10. Các loại thuế có liên quan.....	103
PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	105
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	105
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	105
PHẦN VII. PHỤ LỤC	108

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty.....	19
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 19/12/2017	30
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 19/12/2017	30
Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 19/12/2017	31
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm từ năm 2016 – 2018 (ĐVT: triệu đồng).....	39
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm từ năm 2016 - 2018 (ĐVT: đồng)	40
Bảng 7: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào	42
Bảng 8: Tỷ trọng chi phí của Công ty từ năm 2016 – 2018 (ĐVT: đồng).....	45
Bảng 9: Một số máy móc, phương tiện vận tải chính của Công ty	47
Bảng 10: Danh sách một số hợp đồng bán hàng đã và đang thực hiện	57
Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các thời kỳ (ĐVT: đồng)	60
Bảng 12: Đánh giá các công ty cùng ngành của Hồng Hà Sơn La.....	64
Bảng 13: Một số nhà máy chế biến tinh bột quy mô lớn tại Việt Nam	66
Bảng 14: Tình hình lao động của Công ty	69
Bảng 15: Các khoản vay giai đoạn 2016 –2018(ĐVT: đồng)	73
Bảng 16: Hàng tồn kho giai đoạn 2016 –2018 (ĐVT: đồng).....	73
Bảng 17: Các khoản phải thu giai đoạn 2016 –2018 (ĐVT: đồng).....	74
Bảng 18: Các khoản phải trả giai đoạn 2016 – 2018 (ĐVT: đồng).....	75
Bảng 19: Các khoản đầu tư dài hạn giai đoạn 2016 –2018 (ĐVT: đồng).....	76
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	76
Bảng 21: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.....	78
Bảng 22: Tình hình tài sản của Công ty giai đoạn 2016 –2018	91
Bảng 23: Danh sách một số TSCĐHH có giá trị lớn của Công ty	92
Bảng 25: Kế hoạch kinh doanh năm 2017 - 2019 của Công ty	93
Bảng 26: Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	98
Bảng 27: Giá trị sổ sách của một cổ phiếu.....	99
Bảng 28: Giá trị sổ sách cổ phiếu tại các thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016, 31/12/2017	100
Bảng 29: P/B của các Doanh nghiệp cùng ngành.....	100
Bảng 30: Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B.....	101
Bảng 31: P/E của một số doanh nghiệp trong ngành	101
Bảng 32: Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E.....	102
Bảng 33: Tổng hợp phương pháp tính giá	102

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Lãi suất, lạm phát và GDP của Việt Nam giai đoạn 2012 - 2017	8
Hình 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty	22
Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	23
Hình 4: Nhà máy sản xuất tinh bột sắn	34
Hình 5: Nhà xưởng sấy ngô	35
Hình 6: Dây chuyền sấy sắn lát và bã sắn	36
Hình 7: Sản lượng sản xuất các mặt hàng nông sản qua các năm (ĐVT: Tấn)	37
Hình 8: Các sản phẩm thương mại	37
Hình 9: Sản lượng thu mua các mặt hàng nông sản qua các năm (ĐVT: Tấn)	38
Hình 10: Công nghệ chế biến tinh bột	48
Hình 11: Quy trình sản xuất tinh bột sắn.....	49
Hình 12: Công nghệ sấy ngô	52
Hình 13: Quy trình sấy ngô.....	52
Hình 14: Công nghệ sấy sắn lát, bã sắn	54
Hình 15: Quy trình sấy sắn lát và bã sắn.....	54

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được thành lập từ ngày 06/01/2015, với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại và sản xuất các mặt hàng nông sản nên Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro sau đây:

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2017, mặc dù nền kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn thách thức nhưng nỗ lực chung của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp đã giúp cho nền kinh tế Việt Nam chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng vượt mục tiêu đề ra với chất lượng nâng lên. Năm 2018 sẽ là năm bản lề quyết định việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm (2016-2020). Bên cạnh những thuận lợi, năm 2018 sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức tác động đến kinh tế nước ta nhất là trong bối cảnh thế giới có những thay đổi chính trị và chính sách thương mại.

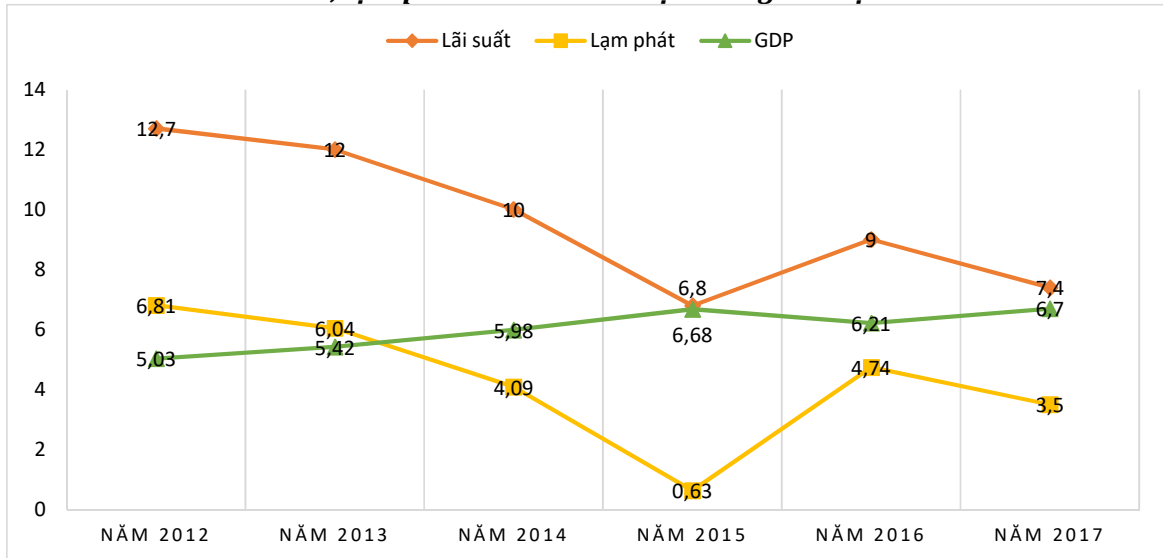
Về tăng trưởng kinh tế¹

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả rất tốt: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,81% so với năm 2016. Trong mức tăng trưởng cao của toàn nền kinh tế, khu vực nông nghiệp đã có mức tăng trưởng cao nhất với 5,54%, cho thấy dấu hiệu phục hồi của ngành nông nghiệp sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao đã mang lại hiệu quả.

Tuy nhiên, việc Mỹ tuyên bố rút khỏi Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) cũng gây ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế. Bên cạnh đó, việc nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2017 cũng là một thách thức cho tăng trưởng 2018, nhất là trong bối cảnh tài nguyên cạn kiệt, sản xuất của ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm, công nghiệp chế tạo khó có đột phá mới, nông nghiệp vẫn đứng trước rủi ro lớn do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu... Thực tế cũng cho thấy, chưa thể kỳ vọng vào sự đột phá về năng suất lao động, hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế cũng như của cộng đồng doanh nghiệp. Lợi thế về lao động giá rẻ đang mất đi nhanh chóng do tác động của cách mạng công nghiệp 4.0.

¹ Số liệu được lấy theo báo cáo của Tổng cục Thống kê – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hình 1: Lãi suất, lạm phát và GDP của Việt Nam giai đoạn 2012 - 2017



Hoạt động trong lĩnh vực thương mại và sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, Công ty cũng phải chịu các rủi ro khi có biến động về kinh tế khi nền kinh tế rơi vào giai đoạn suy thoái gây khó khăn trong khâu tiêu thụ, ảnh hưởng tới giá tác động trực tiếp tới lợi nhuận của Công ty. Chính vì vậy, triển vọng về nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2018 cùng với các chính sách linh hoạt của Chính phủ sẽ ảnh hưởng tích cực tới hoạt động của Công ty.

Về lạm phát²

Với chỉ số lạm phát 3,53% vào cuối năm 2017, Chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% đây là kết quả đáng mừng trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động lớn của giá nhiên liệu và tình hình tài chính biến động của thế giới. Nhìn chung, những năm trở lại đây mức lạm phát đã được kiểm chế và duy trì ở mức ổn định kéo giảm từ mức 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014, 0,6% năm 2015, 4,74% năm 2016 và 3,5% năm 2017. Dự báo mức lạm phát năm 2018 sẽ được duy trì ở mức 4%. Giữ lạm phát ở mức 4% cũng là một thách thức không nhỏ, khi các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2017, như đẩy nhanh đầu tư, nới tăng trưởng tín dụng có thể tác động trễ tới diễn biến CPI trong năm 2018. Tác động trễ của yếu tố tiền tệ đến lạm phát từ năm 2017 sang năm 2018 không lớn do hệ số thâm dụng tín dụng trong

² Số liệu được lấy theo báo cáo của Tổng cục Thống kê – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

năm 2017 ước đạt 2,04 lần, giảm so với mức 2,81 lần của năm 2016, nhưng cung tiền sẽ tác động đến lạm phát, nếu không chú ý kiểm soát chất lượng tăng trưởng tín dụng năm 2018.

Lạm phát năm 2018 sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công và giá thực phẩm. Giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016 - 2020 cho nên được dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể tương đương năm 2017, khoảng 2 đến 2,5 điểm %. Việc điều chỉnh giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc quỹ Bảo hiểm y tế tại 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, việc điều chỉnh mức lương cơ sở trong tính toán giá dịch vụ y tế cũng sẽ tác động vào lạm phát. Ngoài ra việc điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng và mức lương cơ sở năm 2018 cũng là yếu tố tác động tới lạm phát.

Là một doanh nghiệp sản xuất, khi tỷ lệ lạm phát cao sẽ làm cho giá đầu vào và đầu ra biến động không ngừng gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất. Sự mất giá của đồng tiền làm cho vô hiệu hoá hoạt động hoạch toán kinh doanh. Hiệu quả sản xuất - kinh doanh có thể thay đổi gây ra những biến động lớn.

Về lãi suất

Nhìn lại 2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giữ ổn định. Áp lực tăng lãi suất huy động và cho vay chủ yếu xuất hiện hồi đầu năm. Tuy nhiên có thể thấy các mức điều chỉnh lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng trong giai đoạn này không quá lớn, mức điều chỉnh nhỏ mỗi lần chỉ quanh 10 điểm cơ bản và không tạo ra các đợt chạy đua lãi suất. Thực tế này do nhiều nguyên nhân. Nợ xấu cao, các ngân hàng phải tăng trích lập dự phòng rủi ro, lấy lợi nhuận để bù đắp khoản vốn bị mất nên lãi suất khó giảm. Chi phí lãi suất huy động không giảm được vì nền kinh tế vẫn có nhu cầu vốn lớn. Trong khi các kênh đầu tư khác lại tăng trưởng tốt như thị trường bất động sản, nhất là thị trường chứng khoán tăng rất ngoạn mục là 1 trong 5 thị trường tăng nhanh nhất của thế giới.

Vì những yếu tố trên mà lãi suất chưa giảm như mong đợi trong bối cảnh lạm phát thấp. Bước sang năm 2018, dự báo kinh tế thế giới sẽ phục hồi nhưng chưa thực sự vững chắc nên nhiều tổ chức tiền tệ còn dè dặt trong việc tăng lãi suất. Nếu có tăng thì cũng rất chậm. Mặt bằng giá thế giới cũng có thể cao hơn năm 2017 nhưng sẽ không nhiều.

Dự báo mặt bằng lãi suất nửa đầu 2018 sẽ chỉ biến động nhẹ quanh mức cuối năm 2017, trong biên độ 20 điểm cơ bản và trần lãi suất đối với các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng trong các điều kiện thuận lợi có thể giảm nhẹ. Tuy nhiên, đối với nửa cuối năm mặt bằng lãi

suất có thể chịu áp lực nếu các điều kiện cần là lạm phát hay tỷ giá có những biến động. Hiện nay hoạt động của Công ty chủ yếu dựa trên nguồn vốn tự có, tuy nhiên để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và tận dụng đòn bẩy tài chính trong những năm tới Công ty cũng sẽ huy động nguồn vốn từ vay ngân hàng, do đó các biến động về gia tăng lãi suất sẽ tác động tiêu cực lên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm tiếp theo.

Về tỷ giá

Nhận định về thị trường ngoại tệ trong năm 2017, dù có những biến động nhất định vào đầu năm nhưng trong cả năm tỷ giá vẫn duy trì được mức ổn định. Vào cuối tháng 11, tỷ giá bán USD tại nhiều ngân hàng thương mại (NHTM) chỉ tăng khoảng 1,24% và phổ biến vào khoảng 22.750 – 22.760 VND/USD, duy trì mặt bằng giá ổn định trong vòng 6 tháng cuối năm. Tuy vậy năm nay, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất 3 lần, trong khi đồng USD lại mất giá bình quân 7% trong rổ tiền tệ. Điều này có thể được giải thích bằng chủ trương hạn chế nhập siêu của Mỹ. Tổng thống Donald Trump từng tuyên bố mong muốn một đồng USD yếu như là công cụ để thực hiện việc cân bằng cán cân thương mại. Điều này cũng ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước.

Dự báo mức giảm giá của VNĐ trong năm 2018 sẽ không quá 2%. Trong đó, các biến động sẽ được dần dần ghi nhận và không xảy ra trạng thái giạt cực khi NHNN đã có những kinh nghiệm điều hành hợp lý so với các năm trước đây. Tuy vậy mức lãi suất này vẫn tiềm ẩn nhiều biến động trong bối cảnh thị trường tài chính thế giới nhiều biến động.

Năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty mới tập trung chủ yếu là các khách hàng trong nước, hoạt động xuất khẩu còn thông qua ủy thác và với số lượng chưa cao, tuy nhiên để mở rộng khách hàng cũng như tối đa hóa lợi nhuận, Công ty đã phân tích, dự báo và đưa ra các chiến lược để hướng tới các đối tác nước ngoài.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung, cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể

xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế những ảnh hưởng này cũng như nhanh chóng tiếp cận được các văn bản luật có liên quan, Công ty thường xuyên có những buổi học tập trao đổi giữa các lãnh đạo và cán bộ chủ chốt.

3. Rủi ro đặc thù

Trong quá trình hoạt động, ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty Cổ phần Chế biến Nông Sản Hồng Hà Sơn La còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù như rủi ro về vùng nguyên liệu, rủi ro về thị trường, rủi ro về cạnh tranh...

Tuy đã được quy hoạch vùng trồng ngô và sản nguyên liệu nhưng việc các hộ nông dân trồng tự phát còn khá nhiều. Ngoài ra việc không đảm bảo được giống cây trồng cũng như các kỹ thuật canh tác ảnh hưởng rất nhiều tới chất lượng nông sản vốn là nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty. Điều này đòi hỏi Công ty phải thận trọng trong khâu nhập nguyên liệu. Việc liên kết với các hộ nông dân nhằm nâng cao kỹ thuật canh tác, đồng bộ giống cây trồng cũng được Công ty chú trọng.

Thị trường nông sản ở các tỉnh miền núi phía Bắc chịu ảnh hưởng khá nhiều bởi các thương lái Trung Quốc. Do đó giá cả cũng như nguồn cung chịu tác động đáng kể nếu Công ty không có các chính sách mua hàng hợp lý đối với người dân.

Ngoài ra, việc có nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng nông sản trên địa bàn cũng tạo áp lực cạnh tranh cho Công ty trong khâu tiêu thụ sản phẩm. Chuẩn hóa chất lượng sản phẩm và chuyên nghiệp trong khâu bán hàng được Công ty chú trọng để tạo nên lợi thế cạnh tranh.

Rủi ro về vùng nguyên liệu

Chất lượng sản phẩm của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất, đặc biệt chất lượng các nông sản như ngô, sắn (khoai mì), đậu tương...chịu ảnh hưởng khá lớn bởi yếu tố thời tiết và mùa vụ. Đối với ngô nguyên liệu, giai đoạn hình thành cò và bắp ngô nếu gặp phải thời tiết xấu như hạn hán hoặc mưa đá có thể làm bất dục hạt, đổ cây ảnh hưởng lớn tới năng suất cây trồng. Tương tự như ngô, hàm lượng tinh bột trong sắn nguyên liệu cũng giảm đi đáng kể khi gặp các yếu tố thời tiết bất lợi như hạn hán, hoặc mưa lũ. Vì vậy, Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La luôn phải có những dự báo và phương án dự phòng tốt nhất để tránh rủi ro về vùng nguyên liệu có thể xảy ra ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu chủ động được

nguồn nguyên liệu, Công ty có thể ổn định được sản xuất, đảm bảo được chất lượng sản phẩm cũng như chủ động xây dựng được chính sách bán hàng phù hợp, ổn định.

Rủi ro về thị trường

Hai sản phẩm mang lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho Công ty là tinh bột sắn và ngô sấy, chính vì vậy rủi ro về thị trường về hai sản phẩm này cũng như các mặt hàng nông sản nói chung ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty. Các phương pháp bảo quản hàng nông sản đa phần chỉ mang lại hiệu quả ngắn hạn, chất lượng của các mặt hàng nông sản sẽ bị ảnh hưởng lớn khi để lâu mà không được chế biến, do đó khi thị trường có biến động xấu về nhu cầu nông sản sẽ là một rủi ro mà Công ty cần hết sức lưu ý. Hiện nay các sản phẩm nông nghiệp đã qua chế biến vẫn được coi là cung không đủ cầu, tuy nhiên để có thị trường tiêu thụ với giá tốt và ổn định vẫn đòi hỏi Công ty phải có chiến lược đa dạng thị trường, mở rộng hoạt động liên doanh, liên kết với các đơn vị phân phối lớn đồng thời đa dạng hóa sản phẩm. Cùng với đó trong thời gian tới, Công ty nhìn nhận thị trường nước ngoài cũng rất tiềm năng cần được khai thác.

Rủi ro cạnh tranh

Tuy thị trường đối với các mặt hàng nông sản đã qua chế biến còn khá rộng mở nhưng Công ty cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành để có thị trường tiêu thụ tốt. Cùng với đó việc đảm bảo về chất lượng cũng như trách nhiệm đối với sản phẩm làm ra của Công ty được các đối tác đánh giá rất cao. Việc tạo dựng được các mối quan hệ thân thiết với khách hàng và người nông dân đã giúp cho Công ty đã xây dựng các chính sách bán hàng với giá cả hợp lý, thích hợp với nhiều đối tượng khách hàng giúp Công ty tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

4. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán năm 2017 ghi nhận những dấu hiệu tích cực từ phía nhà đầu tư và các doanh nghiệp, tuy nhiên việc biến động về giá cả trên thị trường còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình chung của nền kinh tế, khả năng phát triển ngành, cung cầu thị trường... Các nghiên cứu dự báo chỉ giúp cho Công ty chủ động hơn khi có những biến đổi, còn khá nhiều yếu tố khác quan khác nằm ngoài sự chủ động của doanh nghiệp.

Hiện nay, Chính phủ và các cơ quan quản lý đã có những chính sách cũng như định hướng hợp lý hướng tới một thị trường phát triển bền vững và minh bạch, trở thành kênh

huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp. Do đó, khi thị trường chung dần đi vào hoạt động một cách ổn định, Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Hồng Hà Sơn La được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển; và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

5. Rủi ro tăng vốn nhanh

Trong năm 2016, Công ty thực hiện tăng vốn lên 126 tỷ đồng. Việc phát hành cổ phiếu, huy động thêm vốn, mở rộng quy mô sẽ tạo điều kiện phát triển cho doanh nghiệp, tuy nhiên cùng với đó là rủi ro về quản trị công ty cũng tăng lên khi quy mô tăng lên.

Đặc biệt, rủi ro sẽ càng cao nếu Công ty phát hành cổ phiếu nhưng không chuẩn bị những phương án về nhân sự và tổ chức lại sản xuất kinh doanh để thích ứng với phần vốn huy động thêm.

Để đối phó với các rủi ro này, Công ty đã hoàn thiện bộ máy quản trị, phân cấp để quản lý sản xuất tới từng phân xưởng. Các phương án sử dụng vốn vào thời điểm mùa vụ và không phải là mùa vụ được đánh giá hiệu quả và rủi ro cụ thể, chi phí sử dụng vốn được tính toán hợp lý nhất tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, phương tiện vận tải và bảo hiểm con người.

PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Ông Lê Văn Đức Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Giáp Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Đỗ Lê Oanh Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Dương Quỳnh Hoa Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Ông: Tống Minh Tuấn Chức vụ: Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ hỗ trợ niêm yết chứng khoán số 41/2017/VCBS-TVTCND.HCM ký ngày 28 tháng 12 năm 2017 với Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

Từ, cụm từ	Ngữ nghĩa
Công ty/Hồng Hà Sơn La	: Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La
VCBS/ Tổ chức tư vấn	: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh
BCTC	: Báo cáo tài chính
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CĐNB	: Cổ đông nội bộ
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty cổ phần
Công ty TNHH	: Công ty trách nhiệm hữu hạn
DTT	: Doanh thu thuần
LN	: Lợi nhuận
CSH	: Chủ sở hữu
TTS	: Tổng tài sản
Điều lệ Công ty	: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
GDP	: Tổng thu nhập quốc dân
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
GTGT	: Giá trị gia tăng
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
VĐL	: Vốn điều lệ
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước

PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về công ty

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA
Tên tiếng Anh	: HONG HA SON LA PROCESSING AGRICUTURAL PRODUCT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: HONGHA SONLA., JSC
Logo	: 
Trụ sở chính	: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
Điện thoại	: 02126.255.599
Fax	: 02126.255.599
Website	: http:// honghagroup.com.vn
Email	: info.honghasonla@gmail.com
Vốn điều lệ đăng ký	: 126.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	: 126.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ đồng)
Giấy CNĐKDN số	: 5500512492 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 02 năm 2017.
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Nguyễn Xuân Giáp – Tổng Giám đốc Ông Nguyễn Tiến Nam – Phó Tổng giám đốc

Ngành nghề kinh doanh:

Căn cứ Giấy CNĐKDN 5500512492 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 02 năm 2017, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620 (Chính)

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa, chè, cà phê, mía, và động vật sống): <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. 	
2	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
3	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. - Bán buôn thực phẩm khác 	4632
4	Sản xuất pin và ắc quy	2720
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông	4652
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8	Vận tải hành khách đường bộ khác.	4932
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11	Cho thuê xe có động cơ	7710
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

STT	Tên ngành	Mã ngành
14	Xuất, nhập khẩu các mặt hàng: nông, lâm sản nguyên liệu, thành phẩm, thực phẩm. Đại lý các mặt hàng công ty kinh doanh	<i>Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La thành lập vào ngày 06 tháng 01 năm 2015 theo Quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La, mã số doanh nghiệp 5500512492 với số vốn ban đầu là 4.500.000.000 đồng. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và kinh doanh nông sản (sắn, ngô...), có trụ sở chính và hệ thống nhà máy đặt tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam. Sản phẩm chính của Công ty là tinh bột sắn (khoai mì), ngô sấy, bã sắn...được sản xuất trên hệ thống nhà máy và dây chuyền chế biến hiện đại, công năng sử dụng phù hợp với điều kiện của vùng cho sản phẩm đạt chất lượng cao và hiệu quả. Nhà máy và xưởng sản xuất được đặt gần vùng nguyên liệu đảm bảo cung cấp kịp thời cho hoạt động sản xuất, giảm giá thành của sản phẩm đồng thời cung cấp việc làm cho lao động địa phương thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng.

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được thành lập với chiến lược phát triển của ban lãnh đạo là tập trung vào thị trường thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Sau thời gian hoạt động, Công ty đã được nhiều bạn hàng biết đến và nhận được những phản hồi tích cực. Để đẩy mạnh cơ hội hợp tác với các đối tác Công ty đã định hướng cần đại chúng hoá nhằm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Ngày 14/01/2016, Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 84.000.000.000 đồng, cùng với đó Công ty đã đầu tư thêm hệ thống dây chuyền, máy móc và liên kết với Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà bằng việc sở hữu 46,67% (giá trị: 14.000.000.000 đồng) nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng hiệu quả hoạt động thu mua nguyên liệu đầu vào của Công ty.

Với việc nắm bắt được nhu cầu về sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của thị trường ngày càng gia tăng, ngày 01/11/2016 Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông với chủ trương tăng vốn điều lệ lên 126.000.000.000 đồng, nhằm mở rộng quy mô

sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, kỳ vọng sẽ trở thành Công ty về chế biến nông sản lớn nhất Sơn La nói riêng và miền núi phía Bắc nói chung.

1.3. Quá trình tăng vốn

Bảng 1: Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty

STT	Thời gian	Vốn thực góp trước khi tăng (đồng)	Vốn thực góp sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Phương thức tăng vốn
1	Ngày 06/01/2015	4.500.000.000			Góp vốn thành lập Công ty
2	Ngày 30/06/2015	4.500.000.000	12.000.000.000	Bằng tiền	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
3	Ngày 14/01/2016	12.000.000.000	84.000.000.000	Bằng tiền và tài sản	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
4	Ngày 01/11/2016	84.000.000.000	126.000.000.000	Bằng tiền	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

➤ **Lần 1: Phát hành tăng vốn từ 4.500.000.000 đồng lên 12.000.000.000 đồng**

• **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2015 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Nghị quyết HĐQT số 02/2015/NQ-HĐQT ngày 01/07/2015 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết HĐQT số 04/2015/NQ-HĐQT ngày 31/12/2015 thông qua kết quả chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, thay đổi lần thứ 2 ngày 01/12/2015.

• **Chi tiết đợt phát hành:**

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Ngày phát hành : 30/06/2015

- Số lượng phát hành : 750.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 7.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông tham gia đợt phát hành : 03 cổ đông
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 31/12/2015
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền
- Phương án sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động

➤ **Lần 2: Phát hành tăng vốn từ 12.000.000.000 đồng lên 84.000.000.000 đồng**

• **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/01/2016 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty;
- Nghị quyết HĐQT số 02/2016/NQ-HĐQT ngày 15/01/2016 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết HĐQT số 03/2016/NQ-HĐQT ngày 26/01/2016 thông qua danh sách cổ đông đăng ký mua cổ phần Công ty và thông qua chứng thư thẩm định giá xác định giá trị tài sản của cổ đông góp vốn vào Công ty;
- Nghị quyết HĐQT số 04/2016/NQ-HĐQT ngày 26/06/2016 thông qua việc góp vốn bằng cổ phần của cổ đông vào Công ty;
- Nghị quyết HĐQT số 05/2016/NQ-HĐQT ngày 25/07/2016 thông qua chứng thư thẩm định giá xác định giá trị tài sản cổ đông góp vốn vào Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26 tháng 07 năm 2016.

• **Chi tiết đợt phát hành:**

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Ngày phát hành : 14/01/2016
- Số lượng phát hành : 7.200.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 72.000.000.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 03 người
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 31/07/2016
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền và tài sản

- Phương án sử dụng vốn : Tài sản nhận góp vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền hàng và đầu tư hợp tác với đối tác cùng ngành chế biến nông sản.

➤ **Lần 3: Phát hành tăng vốn từ 84.000.000.000 đồng lên 126.000.000.000 đồng**

• **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/11/2016 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty;
- Nghị quyết HĐQT số 07/2016/NQ-HĐQT ngày 02/11/2016 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2016 thông qua kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 thay đổi lần thứ 05 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 20 tháng 12 năm 2016.

• **Chi tiết đợt phát hành:**

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Ngày phát hành : 01/11/2016
- Số lượng phát hành : 4.200.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 42.000.000.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 20 người
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 05/12/2016
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền
- Phương án sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động và thanh toán tiền hàng.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Hình 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Hồng Hà Sơn La

Trụ sở chính

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Điện thoại: 02126.255.599 Fax: 02126.255.599

Website: honghagroup.com.vn

Email: info.honghasonla@gmail.com

Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà

Địa chỉ: Số 24, ngõ 85, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.6294.3341

Website: <http://vantaihongha.com/>

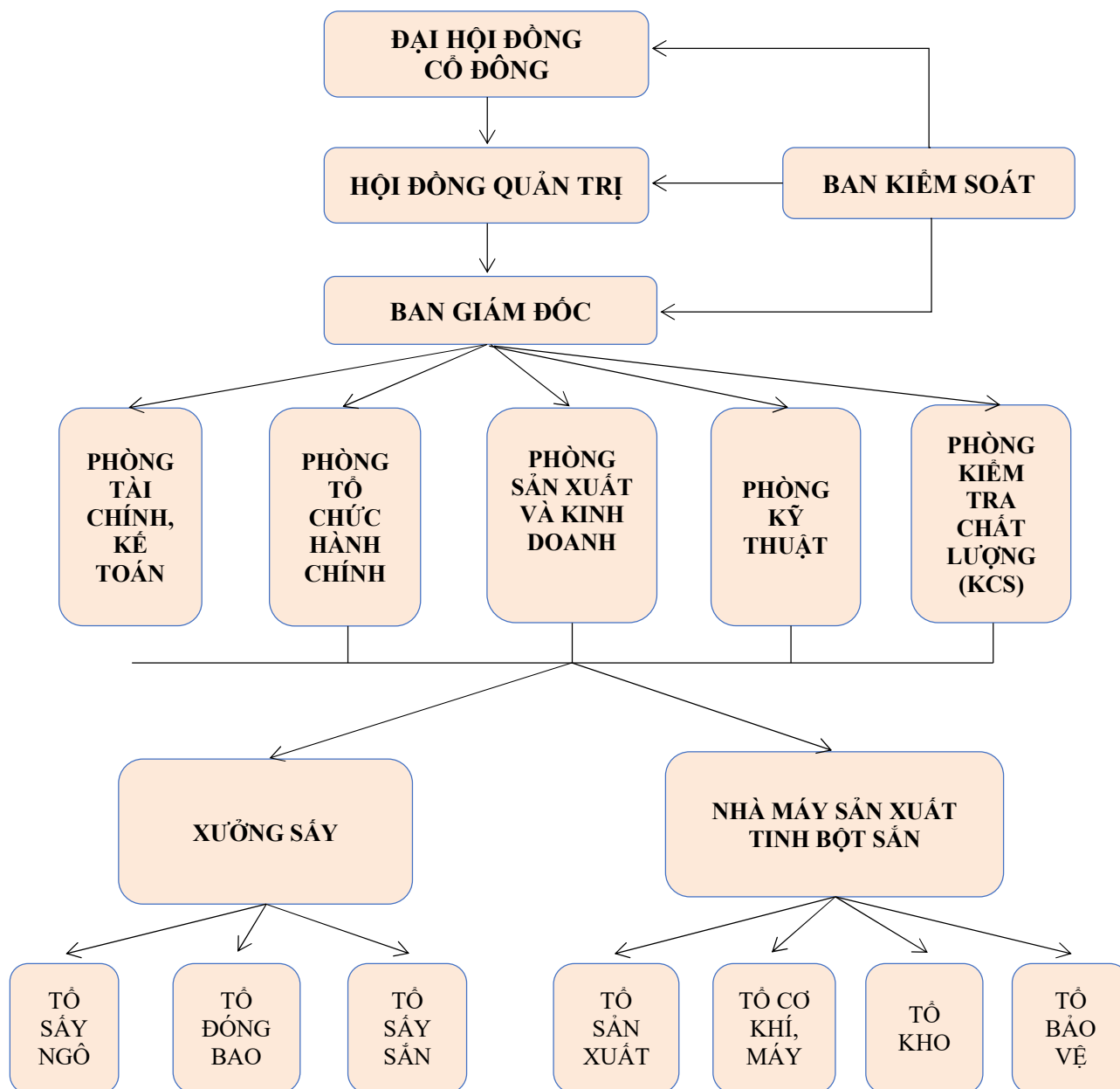
Email: tu.dang@honghafood.com.vn

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ tổ chức này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu cụ thể như sau:

3.1. Sơ đồ tổ chức

Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.



(Nguồn: Hồng Hà Sơn La)

3.2. Diễn giải sơ đồ

Hiện nay Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. Cơ sở hoạt động quản trị và điều hành Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La là Điều lệ Công ty. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La bao gồm:

Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;

- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:
 - Ông Lê Văn Đức Chủ tịch HĐQT
 - Ông Nguyễn Xuân Giáp Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 - Ông Nguyễn Tiến Nam Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ kinh doanh
 - Ông Bùi Quý Ba Thành viên HĐQT độc lập
 - Ông Nguyễn Tuấn Cường Thành viên HĐQT độc lập

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:
 - Bà Dương Quỳnh Hoa Trưởng ban
 - Ông Nguyễn Anh Dũng Thành viên
 - Bà Lê Thị Nam Thành viên

Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;

- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:
 - Ông Nguyễn Xuân Giáp Tổng Giám đốc
 - Ông Nguyễn Tiến Nam Phó Tổng giám đốc

Chức năng các phòng ban

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- *Về tài chính*

Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty qua đó tham mưu cho Ban giám đốc kế hoạch và phương hướng phát triển của Công ty.

Dự báo trước các biến động về đầu vào và đầu ra của quá trình sản xuất, nhu cầu của thị trường và các biến động kinh tế khác có ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Theo dõi sự vận động của nguồn vốn kinh doanh của Công ty đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cố vấn Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan.

Phân tích đánh giá mức độ hiệu quả cũng như rủi ro của các dự án qua đó tham mưu cho Ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định kịp thời và chính xác.

Thực hiện một số chức năng khác khi được Giám đốc giao.

- Về kế toán

Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán;

Tham mưu cho Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh;

Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán;

Giữ bí mật về số liệu kế toán, tài chính và bí mật kinh doanh của công ty;

Tham mưu cho Giám đốc trong quá trình đề xuất các chế độ thi đua khen thưởng, kỷ luật và nâng bậc lương đối với cán bộ, nhân viên của Công ty;

Thực hiện một số chức năng khác khi được Giám đốc giao.

Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Hành chính tổ chức có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

Phòng Sản xuất - Kinh doanh

Phòng Sản xuất - Kinh doanh có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất, kinh doanh từng mùa vụ và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty.
- Dự báo trước tình hình nguyên liệu sản xuất để có kế hoạch kịp thời đảm bảo ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm;
- Quy định cách thức xem xét hợp đồng, từ khâu giao dịch và tiếp thu nhu cầu của khách hàng đến khi kết thúc thực hiện xác nhận đơn hàng/hợp đồng;
- Hướng dẫn trình tự quá trình xuất bán sản phẩm của Công ty cho khách hàng từ khi tiếp nhận nhu cầu đến khi kết thúc việc giao nhận hàng;
- Xem xét nhu cầu khách hàng về sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách hàng và xử lý các khiếu nại;

Phòng Kỹ thuật

Phòng kỹ thuật là đơn vị thuộc bộ máy quản lý công ty, có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác kỹ thuật, chất lượng vật liệu đầu vào, chất lượng sản phẩm sau khi sản xuất và trước khi cung cấp cho khách hàng, quản lý mẫu sản phẩm.

Phòng Kỹ thuật có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Phối hợp với phòng tổ chức hành chính đào tạo lý thuyết, nâng cao tay nghề cho công nhân theo chiến lược phát triển của Công ty.
- Lên kế hoạch bảo dưỡng thiết bị máy móc định kỳ đảm bảo cho toàn bộ máy móc, thiết bị của nhà máy, công trường vận hành tốt, không hỏng hóc đảm bảo tính vận hành liên tục của sản xuất.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị của nhà máy và công trường khai thác.
- Nghiên cứu áp dụng khoa học, kỹ thuật vào khai thác và sản xuất để có những cải tiến chất lượng và hiệu quả kinh tế.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban lãnh đạo Công ty.

Phòng Kiểm tra chất lượng (KCS)

- Kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào trước khi sản xuất.
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm sản xuất ra theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng.
- Tổ chức phân tích, kiểm tra chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu trước khi xuất kho giao hàng cho khách hàng.
- Tổ chức biên soạn các tiêu chuẩn, trình phân tích, đánh giá chất lượng sản phẩm, nguyên liệu áp dụng trong Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban xử lý khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm, đề xuất các phương án khắc phục các sản phẩm không phù hợp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban lãnh đạo Công ty.

Xưởng Sấy

Xưởng sấy có chức năng sấy ngô và bã sắn phục vụ làm thức ăn chăn nuôi. Xưởng sấy có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện sấy, đóng bao các sản phẩm ngô và bã sắn.
- Đảm bảo các sản phẩm chế biến ra đủ tiêu chuẩn và chất lượng.
- Phối hợp với phòng kế hoạch sản xuất kinh doanh thực hiện các đơn hàng đúng theo kế hoạch và thời hạn.
- Báo cáo với phòng kỹ thuật về tình hình máy móc thiết bị, tiến hành bảo dưỡng kịp thời.
- Đóng bao các sản phẩm đúng theo quy cách không bị rách, hao hụt trong quá trình vận chuyển.
- Báo cáo tình hình sản xuất, khối lượng sản xuất, vật tư tiêu hao hàng ngày cho Phòng kế toán tài chính và Ban Giám đốc.
- Quản lý thiết bị, công cụ dụng cụ trong tổ.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban lãnh đạo Công ty.

Nhà máy sản xuất tinh bột sắn

Nhà máy sản xuất tinh bột sắn là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng sản xuất tinh bột sắn thành phẩm từ các nguyên liệu.

Các nhà máy sản xuất tinh bột sắn có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tiếp nhận kế hoạch sản xuất, sắp xếp, phân bố lịch sản xuất đảm bảo đúng giờ, kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, năng suất.
- Phối hợp với phòng kế hoạch sản xuất để lập kế hoạch sản xuất và sắp xếp nhân sự cho các bộ phận: sản xuất, tổ máy, tổ kho các bộ phận khác có liên quan...
- Tổ chức điều phối sản xuất phù hợp với năng lực và yêu cầu.
- Tổ chức bồi dưỡng huấn luyện để nâng cao trình độ, tay nghề cho CBCNV.
- Thực hiện đầy đủ các quy định, thường xuyên kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường tại các nhà máy.
- Đảm bảo các quy định về môi trường và chất thải.
- Báo cáo tình hình sản xuất, khối lượng sản xuất, vật tư tiêu hao hàng ngày cho Phòng kế toán tài chính và Ban Giám đốc.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 19/12/2017

4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm ngày 19/12/2017

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 19/12/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	316	12.600.000	126.000.000.000	100
1	Tổ chức	0	0		0
2	Cá nhân	316	12.600.000	126.000.000.000	100
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	316	12.600.000	126.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La)

4.2. Cổ đông sáng lập tại ngày 19/12/2017

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 19/12/2017

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	Số 198 phố Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	0	0
2	Nguyễn Thị Hường	Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Việt	450.000	3,57

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
		Nam		
3	Lê Văn Đức	Số 22, ngõ 105, đường Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	2.000.000	15,87

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La)

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 06/01/2015, theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014, toàn bộ số cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập bị hạn chế chuyển nhượng cho tới hết ngày 06/01/2018. Sau thời điểm này cổ phiếu của cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng.

4.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 19/12/2017

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 19/12/2017

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND / ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Lê Văn Đức	Số 22, ngõ 105, đường Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	010271712	2.000.000	15,87
2	Nguyễn Xuân Giáp	Số 62 đường 158, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam	B2439612	1.250.000	9,92
Tổng cộng				3.250.000	25,79

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

5.1 Danh sách công ty mẹ

Không có.

5.2 Danh sách công ty con

Không có.

5.3 Danh sách công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ, VẬN TẢI VÀ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HỒNG HÀ

- Trụ sở: Số 24, ngõ 85, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0106785911 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/03/2015 thay đổi lần thứ 05 ngày 03/08/2016.
- Tỷ lệ Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La sở hữu: 46,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà (giá trị: 14.000.000.000 đồng).

Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư nông nghiệp Hồng Hà bắt đầu đi vào hoạt động vào đầu năm 2015, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực vận tải và thương mại nông sản. Với đội xe 22 xe hoạt động rộng khắp các tỉnh phía Bắc, kết hợp với các công ty sản xuất và chế biến nông sản, hoạt động thương mại của công ty diễn ra khá mạnh năm 2017, doanh thu của công ty đạt trên 64,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt trên 3,1 tỷ đồng

Với đặc thù về vị trí địa lý của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La việc liên kết với Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư nông nghiệp Hồng Hà sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động thu mua nguyên liệu cùng với đó việc giao hàng vào mùa vụ cao điểm sẽ được thực hiện đúng theo cam kết của Công ty. Ngoài ra, đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư nông nghiệp Hồng Hà cũng thúc đẩy hoạt động thương mại của Công ty phát triển mạnh, qua đó không chỉ gia tăng lợi nhuận mà còn mở rộng mạng lưới khách hàng cho các sản phẩm sản xuất.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất của Công ty được thực hiện tại địa bàn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La với các sản phẩm chủ yếu là sắn lát, ngô sấy và tinh bột sắn phục vụ trong công nghiệp thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện hoạt động thương mại nông sản trên địa bàn các tỉnh phía Bắc như: Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La, Thanh Hóa....các mặt hàng thương mại của Công ty gồm có: Ngô sấy, sắn lát, vừng, đậu tương, đậu xanh....

Hiện tại Công ty đang hướng tới việc mở rộng hoạt động và sản xuất tinh bột sắn bước đầu mang lại lợi nhuận và hiệu quả cao.

Về hoạt động sản xuất.

Tinh bột sắn (khoai mì).

Ngày nay, tinh bột sắn được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như thực phẩm, bánh kẹo, chất ngọt, các loại keo, ván ép, dẹt may, giấy, sản phẩm phân hủy sinh học, bột ngọt, và các loại thuốc. Sắn lát và bột viên được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi và sản xuất rượu. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế các sản phẩm phụ trợ cho các ngành công nghiệp cũng có nhu cầu rất lớn, chính vì vậy tuy mới xuất hiện trên thị trường nhưng sản phẩm tinh bột sắn của Công ty cũng đã được khách hàng biết tới và tạo được chỗ đứng trên thị trường.

Hoạt động sản xuất tinh bột sắn của Công ty được diễn ra tại nhà máy thuộc huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Đây là một trong những vùng nông sản đứng đầu cả nước, diện tích đất trồng lớn và chất đất phù hợp, do đó sắn nguyên liệu tại đây cho hàm lượng tinh bột cao (24-32%) và chất lượng. Sắn nguyên liệu được Công ty thu mua từ hơn 220 hộ dân và các đại lý, Công ty vận chuyển với diện tích trồng trên 5.000 ha trên địa bàn huyện Yên Châu, Mai Sơn, Bắc Yên và các vùng lân cận. Dây chuyền sản xuất của Công ty được sản xuất và lắp ráp trong nước cho ra tinh bột sắn có chất lượng cao và tiết kiệm chi phí về năng lượng. Công suất hiện tại đang hoạt động của nhà máy là 80 tấn/ngày, với hàm lượng tinh bột trên 90%, tinh bột sắn của Công ty đã đạt tiêu chuẩn của Hiệp hội Sắn Việt Nam và được các khách hàng rất ưa chuộng.

Hình 4: Nhà máy sản xuất tinh bột sắn



Bên ngoài xưởng sản xuất tinh bột sắn



Bên trong xưởng sản xuất tinh bột



Sắn nguyên liệu



Tinh bột sắn

Ngô sắn.

Lâu nay, Sơn La vẫn được coi là “vựa” ngô của miền Bắc, sản lượng ngô hàng năm đạt trên 600.000 tấn chính vì vậy toàn bộ nguyên liệu ngô đầu vào của Công ty là nhập tại địa phương, thông qua các đại lý và doanh nghiệp thu mua nhỏ trong vùng. Với 3 hệ thống sấy công nghệ cao công suất trung bình của Công ty khoảng 300 tấn/ngày tùy thuộc vào độ ẩm đầu vào. Công ty sử dụng máy bắn tách màu công nghệ cao chính vì vậy sản phẩm ngô sấy của Công ty luôn đạt chất tốt, độ ẩm tiêu chuẩn, đảm bảo về độ đồng đều. Thông qua các công ty thu mua, sản phẩm ngô sấy được bán cho các công ty thức ăn chăn nuôi lớn như Công ty CP US Vico, Công ty TNHH Uni Qulus Việt Nam...

Hình 5: Nhà xưởng sấy ngô



Ngô nguyên liệu



Tháp sấy ngô



Nguyên liệu sấy



Ngô sấy

Bã sản sấy và sản lát sấy

Sản tươi sau khi thu hoạch được chế biến thành sản lát khô để tránh độ tinh bột giảm và tăng thời gian lưu trữ. Sản lát khô của Hồng Hà Sơn La sản xuất ra đáp ứng được các tiêu chuẩn tốt nhất đáp ứng được cả yêu cầu của thị trường trong nước cũng như xuất khẩu, cụ thể như sau:

- Tinh bột: 70% min
- Tạp chất: 2% max
- PB: 0.2 mg/kg max
- NAHSO3SO2: 0.03g/kg max
- Độ ẩm: 15% max
- Độ xơ: 4% max
- AS: 0.2 mg/kg max

- Không mốc, mọt, không có trùng sống. Lát cắt rời, nguyên lát
- Màu sắc: trắng tự nhiên

Ngoài ra, quá trình chế biến sản thu tinh bột đã tạo ra một lượng lớn bã sản phế thải. Thành phần hóa học của bã sản phơi khô có khoảng 61- 63% tinh bột, 13 – 15 % cellulose, 1,5 – 2,0% protein thô, 0.009% HCN. Như vậy, trong bã sản phế thải cũng có một lượng khá lớn tinh bột và cellulose, song các chất dinh dưỡng khác lại khá nghèo nàn. Ở nước ta, một phần nhỏ bã sản được tái sử dụng cho chăn nuôi lợn, phần lớn vứt bỏ thành phân, rác gây ô nhiễm môi trường.

Một trong những biện pháp tích cực để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do bã sản phế thải là tận dụng nguồn chất thải giàu tinh bột và cellulose này làm cơ chất cho các quá trình chuyển hoá sinh học thành các sản phẩm có giá trị như protein, các acid amin, kháng sinh và enzyme bằng con đường vi sinh vật để làm thức ăn cho chăn nuôi. Vì vậy, Công ty đã có định hướng tận dụng nguồn bã sản phế thải này để sản xuất bã sản làm thức ăn chăn nuôi.

Hình 6: Dây chuyền sấy sản lát và bã sản



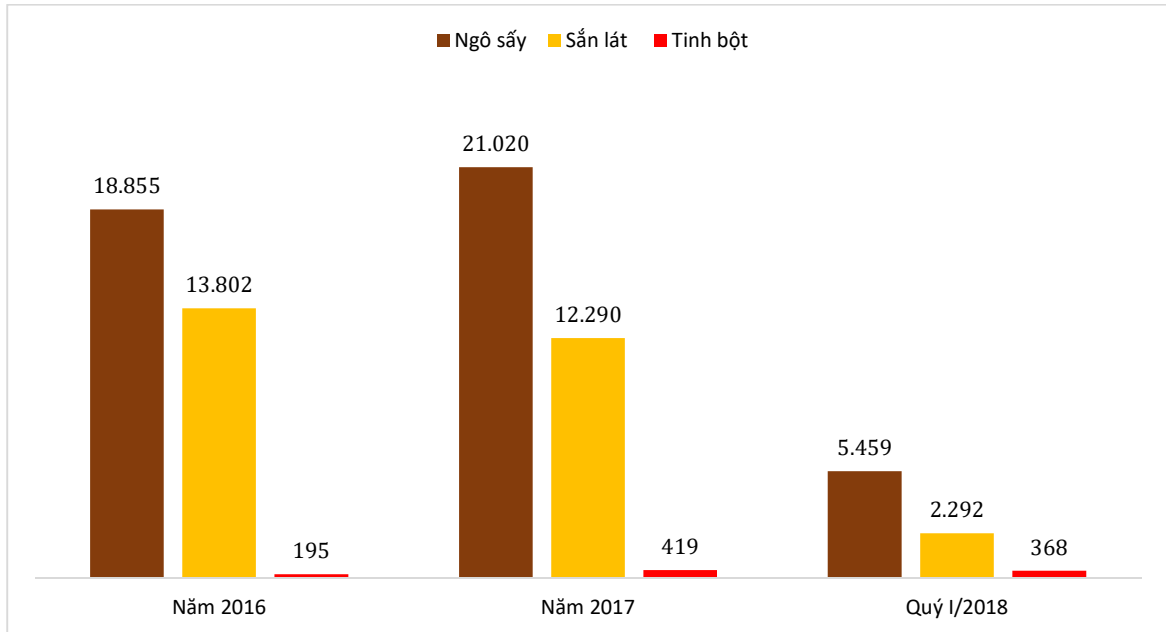
Hệ thống lò quay sấy sản



Bã sản sau khi sấy

Sản lượng sản xuất các mặt hàng nông sản qua các năm.

Hình 7: Sản lượng sản xuất các mặt hàng nông sản qua các năm (ĐVT: Tấn)



(Nguồn: Hồng Hà Sơn La)

Về thương mại

Công ty tiến hành thu mua và bán các sản phẩm nông sản khác như sắn lát, ngô, đậu tương, vừng... đây đều là các mặt hàng nông sản có nguồn cung ổn định và sẵn có trên địa bàn, chính vì vậy hoạt động thương mại cũng mang lại nguồn lợi lớn cho Công ty đồng thời giúp người nông dân tiêu thụ được sản phẩm của mình.

Hình 8: Các sản phẩm thương mại



Sắn lát



Ngô



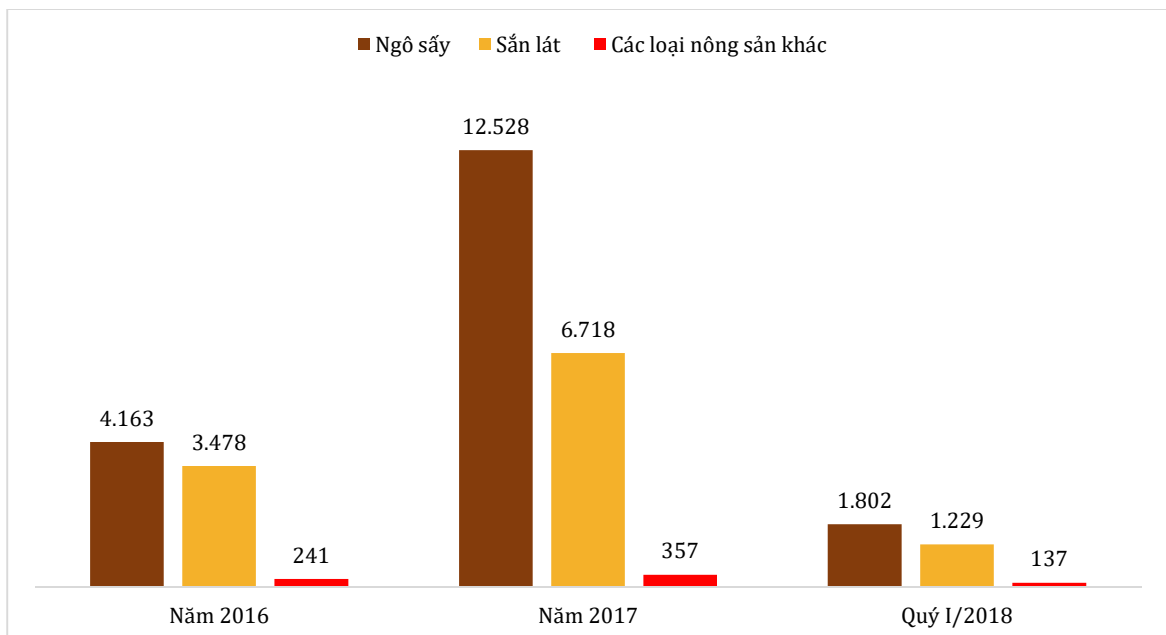
Vừng khô



Đậu tương

Sản lượng thu mua các mặt hàng nông sản qua các năm.

Hình 9: Sản lượng thu mua các mặt hàng nông sản qua các năm (ĐVT: Tấn)



(Nguồn: Hồng Hà Sơn La)

6.2. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm từ năm 2016 - 2018 (ĐVT: triệu đồng)

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2016	Tỷ trọng (%)	% tăng giảm so với năm 2015	Năm 2017	Tỷ trọng (%)	% tăng giảm so với năm 2016	Quý I/2018	Tỷ trọng (%)
1	Sắn lát	49.777	29,79	182,7	45.164	20,35	(9,27)	11.458	20,8
2	Ngô sấy	77.069	46,12	191,8	94.592	42,64	22,74	24.566	44,6
3	Tinh bột	2.141	1,28	-	4.613	2,08	115,5	4.042	7,34
3	Hoạt động thương mại (Ngô, sắn, đậu tương...)	38.124	22,81	805,5	77.514	34,93	103,3	15.012	27,26
Tổng cộng		167.111	100	246,5	221.883	100	32,77	55.078	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của của Công ty)

Năm 2016, ghi nhận doanh thu tăng mạnh lên 167,11 tỷ đồng (tăng 246,5% so với năm 2015) trong đó mặt hàng Ngô sấy tăng mạnh đạt 77,07 tỉ đồng nhờ vào việc đầu tư thêm 03 hệ thống sấy ngô làm tăng sản lượng đáng kể, tuy nhiên tỉ trọng mặt hàng này trong cơ cấu doanh thu lại có xu hướng giảm nhẹ 8,64% so với năm 2015 (54,76%) do hoạt động thương mại được đẩy mạnh doanh thu tăng từ 4,21 tỷ đồng năm 2015 lên 38,12 tỷ đồng năm 2016.

Tháng 7/2016, Công ty đã tiến hành đầu tư dây chuyền sản xuất tinh bột sắn với công suất 80 tấn/ngày đêm việc đầu tư này giúp đa dạng cơ cấu doanh thu và chuyển dịch dần chiến lược của Công ty từ sơ chế sang tinh chế các sản phẩm đem lại giá trị cao. Tuy nhiên, do giá cả tinh bột sắn có nhiều biến động và sắn thu hoạch có hàm lượng tinh bột thấp nhiều chất xơ, làm cho việc chuyển dịch cơ cấu doanh thu chưa thực sự mạnh so với kế

hoạch và công suất dây chuyền (tăng từ 2,14 tỷ đồng năm 2016 lên 4,61 tỷ đồng năm 2017). Lượng sản thu mua về chủ yếu vẫn được dùng để sản xuất sản lát (doanh thu từ sản lát năm 2017 đạt 45,16 tỷ đồng giảm nhẹ so với mức 49,78 tỷ đồng năm 2016). Hoạt động sản xuất ngô sấy trong năm 2017 vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu đạt 42,64% tương đương trên 94,59 tỷ đồng.

Ngoài ra hoạt động thương mại được đẩy mạnh với doanh thu trên 77,5 tỷ đồng năm 2017 tăng hơn gấp đôi so với năm 2016, không chỉ mang lại hiệu quả về lợi nhuận mà còn giúp Công ty mở rộng thị trường và nguồn khách hàng cho các thành phẩm sản xuất.

Quý I/2018, doanh thu sản xuất của Công ty vẫn tới từ 2 mặt hàng chủ yếu là ngô sấy và sản lát với giá trị lần lượt tương ứng là 11,46 tỷ đồng là 24,57 tỷ đồng, tuy nhiên mặt hàng tinh bột cũng mang lại doanh thu khả quan trên 4 tỷ đồng chiếm 7,34 % trong cơ cấu doanh thu. Hoạt động thương mại cũng đóng góp trên 15 tỷ đồng doanh thu chiếm 27,26% doanh thu thuần của cả Công ty. Việc cân đối được tỉ trọng doanh thu các mặt hàng sẽ giúp cho Công ty chủ động hơn khi có sự biến động giá cả của thị trường.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm từ năm 2016 - 2018 (ĐVT: đồng)

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2016	Tỷ trọng /DTT (%)	Năm 2017	Tỷ trọng /DTT (%)	Quý I/2018	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Sản lát	6.829.094.416	4,09	3.178.529.212	1,43	1.034.527.849	1,88
2	Ngô sấy	10.788.582.393	6,46	18.744.146.851	8,45	4.310.740.516	7,83
3	Tinh bột	859.756.293	0,51	1.998.891.978	0,9	1.793.451.962	3,25
4	Hoạt động thương mại (Ngô, sản, đậu xanh...)	61.306.385	0,04	801.499.142	0,36	1.160.637.300	2,11
Tổng cộng		18.538.739.487	11,1	24.723.067.183	11,14	8.299.357.627	15,07

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của của Công ty)

Năm 2015, mức lợi nhuận gộp cả năm chỉ đạt 1,97 tỷ đồng đến từ 02 sản phẩm chính là Sắn lát và Ngô sấy.

Năm 2016, lợi nhuận của Công ty đã tăng đáng kể lên trên 18,54 tỷ đồng gấp hơn 9 lần so với năm 2015 trong khi doanh thu chỉ tăng xấp xỉ 2,5 lần điều này được lý giải là do trong năm 2015 các chi phí khi mới đi vào sản xuất là tương đối lớn, thêm vào đó để thu hút khách hàng mới Công ty đã chấp nhận giảm tỷ suất lợi nhuận của các mặt hàng. Bước sang năm 2016, khi các chi phí đã được định mức và nguồn khách hàng đã ổn định Công ty đã gia tăng được lợi nhuận gộp. Trong đó, lợi nhuận chính vẫn đến từ sản phẩm chính là Sắn lát và Ngô sấy với lợi nhuận gộp lần lượt là 6,83 tỷ đồng và 10,79 tỷ đồng. Để đạt được điều này Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào từ các hộ dân và đại lý thu mua nông sản ở địa phương đồng thời tối thiểu hóa chi phí trong quá trình sấy các sản phẩm bằng việc tận dụng nhiên liệu sấy và nhiệt lượng phù hợp cho từng quá trình. Trong năm 2016, Công ty đã bắt đầu hoạt động sản xuất tinh bột sắn và bước đầu mang lại lợi nhuận xấp xỉ 860 triệu. Hoạt động thương mại chưa đạt được lợi nhuận tương xứng với doanh thu do sự biến động của giá cả của các mặt hàng nông sản.

Bước sang năm 2017, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất sắn lát giảm từ 6,83 tỷ đồng năm 2016 xuống còn 3,18 tỷ đồng năm 2017 tương ứng với tỉ trọng trên doanh thu thuần 4,09% xuống còn 1,43%, điều này lý giải là do sự biến động giá cả của thị trường sản nguyên liệu khiến cho giá vốn hàng bán tăng cao, đây cũng là nguyên nhân chính khiến cho lợi nhuận gộp từ sản phẩm tinh bột chỉ tăng từ 860 triệu lên xấp xỉ 2 tỷ đồng. Trái ngược với sản nguyên liệu, thị trường ngô trong năm 2017 có nhiều thuận lợi về giá cả cũng như nguồn cung, lợi nhuận gộp từ ngô sấy của Công ty tăng từ 10,79 tỷ đồng năm 2016 lên 18,74 tỷ đồng năm 2017, tỉ trọng trên doanh thu thuần tăng từ 6,46% lên 8,45%. Hoạt động thương mại trong năm 2017 cũng đóng góp 801 triệu đồng tiền lợi nhuận.

Quý I/2018, lợi nhuận gộp của Công ty đạt xấp xỉ 8,3 tỷ đồng chiếm tỉ trọng 15,07% trên doanh thu thuần, trong đó đóng góp lớn nhất vẫn là mặt hàng ngô sấy đạt trên 4,3 tỷ đồng chiếm 7,83% doanh thu thuần, mặt hàng tinh bột cũng đạt mức lợi nhuận xấp xỉ 1,8 tỷ đồng chiếm 3,25% doanh thu thuần. Hoạt động thương mại cũng đóng góp trên 1,16 tỷ đồng doanh thu.

6.3. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

Với các sản phẩm mà Công ty tập trung sản xuất và cung cấp cho thị trường, nguồn nguyên vật liệu có thể chia cụ thể thành 02 nhóm như sau:

Sắn (khoai mì): dùng để sản xuất sắn lát.

Nguyên liệu đầu vào đóng vai trò quan trọng quyết định tới chất lượng sản phẩm của Công ty, do đó Công ty luôn lựa chọn nguyên liệu tốt nhất để cho ra các thành phẩm có chất lượng cao. Ở phía Bắc Việt Nam khoảng 68 % diện tích đất đồi có đá dùng cho trồng sắn, Khoảng 12% - 18% đất sét và cát. Đất đồi núi phổ biến tại các tỉnh Sơn La, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai. Sắn được trồng chủ yếu ở các khu vực có địa hình trung du và đồi núi. Yêu cầu đối với sắn nguyên liệu đầu vào của Công ty là việc phải thu hoạch đúng thời điểm, có hàm lượng tinh bột cao từ 30-35% . Sắn thu hoạch xong phải chế biến ngay, để tránh làm giảm chất lượng và hàm lượng tinh bột. Sắn nguyên liệu của Công ty được thu mua của các hộ dân trong vùng thông qua đại lý và các công ty thu mua, qua đó đảm bảo chất lượng tốt nhất cũng như giảm thiểu chi phí trong quá trình sản xuất. Thời vụ thu hoạch sắn là từ giữa tháng 8 tới tháng 1 năm sau, Công ty nằm trong khu vực sắn nguyên liệu nên việc thu mua khá dễ dàng và giá thành thấp, tạo lợi thế cạnh tranh về giá trong quá trình bán thành phẩm.

Ngô: dùng để sản xuất ngô sấy.

Năm 2017, toàn tỉnh Sơn La gieo trồng trên 153.000 ha ngô trải dài trên 11 huyện, thành phố với sản lượng đạt trên 640.000 tấn, tập trung lớn ở các huyện Mai Sơn, Yên Châu, Bắc Yên... Ở trong vùng trọng điểm trồng ngô của cả nước, nguồn cung cấp ngô của Công ty rất dồi dào.

Bảng 7: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào

STT	Tên Nhà Cung cấp/Đại lý	Địa chỉ	Sản phẩm
1	Nguyễn Văn Khương	Đại lý thu mua – Cổ Nông – Tú Nang – Yên Châu - Sơn La	Ngô bắp tươi
2	Nguyễn Thị Bích Liên	Đại lý thu mua – Tà Vàng – Lóng Phiêng – Yên Châu - Sơn La	Ngô bắp tươi
3	Hoàng Thị Hồng	Đại lý thu mua – Cổ Nông – Tú Nang	Ngô bắp tươi

STT	Tên Nhà Cung cấp/Đại lý	Địa chỉ	Sản phẩm
		- Yên Châu - Sơn La	
4	Tống Văn Hà	Đại lý thu mua - Pon - Mường Tranh - Mai Sơn - Sơn La	Ngô bắp tươi
5	Phạm Văn Giải	Đại lý thu mua - Vân Yên - Mường Thai - Phù Yên - Sơn La	Ngô bắp tươi
6	Lường Văn Chiên	Đại lý thu mua - Cổ Nông - Tú Nang - Yên Châu - Sơn La	Ngô hạt
7	Hà Văn Ẩng	Đại lý thu mua - Na Hát - Mường Lựm - Yên Châu - Sơn La	Ngô hạt
8	Hoàng Văn Xuân	Đại lý thu mua - Nàng Yên - Tú Nang - Yên Châu - Sơn La	Ngô hạt
9	Hoàng Thị Bình	Đại lý thu mua - Nàng Yên - Tú Nang - Yên Châu - Sơn La	Ngô hạt
10	Lò Văn Khuyn	Đại lý thu mua - Chiềng Hắc - Mộc Châu - Sơn La	Ngô hạt
11	Hoàng Văn Xôm	Đại lý thu mua - Nàng Yên - Tú Nang - Yên Châu - Sơn La	Ngô hạt
12	Nguyễn Thị Phương	Đại lý thu mua - Đội 7 - Chiềng Ban - Mai Sơn - Sơn La	Sắn tươi
13	Đình Văn Piêng	Đại lý thu mua - Tú Nang - Yên Châu - Sơn La	Sắn tươi
14	Lê Kha Hà	Đại lý thu mua - Mồm Bò - Chiềng Sại - Bắc Yên - Sơn La	Sắn tươi

STT	Tên Nhà Cung cấp/Đại lý	Địa chỉ	Sản phẩm
15	Đặng Thị Thủy	Đại lý thu mua – Chiềng Hặc – Mộc Châu – Sơn La	Sắn tươi
15	Công ty TNHH Nông sản Tây Bắc VN	TT Lương Sơn – Lương Sơn – Hòa Bình	Sắn tươi
16	Công ty TNHH xuất nhập khẩu An Việt Mỹ	Số 8, đường Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	Đậu tương, đậu xanh, vừng...
17	Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc.	Số 6, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Ngô
18	Công ty TNHH Nông sản Tây Bắc VN	TT Lương Sơn, huyện Lương Sơn, Hòa Bình.	Ngô

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La)

Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Với nguyên liệu ngô và sắn:

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được xây dựng tại một trong những vùng nguyên liệu ngô và sắn lớn nhất cả nước. Cùng với đó Công ty xây dựng sự gắn kết trực tiếp giữa người dân và Công ty, do đó luôn đảm bảo được nguồn nguyên liệu cung cấp ổn định và chất lượng cho quá trình sản xuất, chế biến. Ngô và sắn nguyên liệu của Công ty được mua qua các đại lý và công ty thu mua ở trong vùng. Do thu mua ngô và sắn chủ yếu từ vùng nguyên liệu nơi đặt nhà máy, nên mọi biến động về giá, sự thay đổi về sản lượng mùa vụ đều được Công ty dự báo trước và có các biện pháp chủ động ứng phó.

Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương và người dân ứng dụng các kỹ thuật trồng trên đất dốc và công nghệ thu hái hiệu quả tạo ra vùng nguyên liệu chuyên cung cấp chất lượng, hiệu quả và ổn định.

Với các nguyên liệu khác như nguyên liệu sấy và các sản phẩm của thương mại:

Nguyên liệu sấy của Công ty chủ yếu là lõi ngô. Ngô sau khi đã tách hạt, phần lõi sẽ được tận dụng làm nguyên liệu sấy vừa tiết kiệm được chi phí vừa không gây ô nhiễm môi trường. Do đó Công ty luôn chủ động được nguyên liệu sấy.

Công ty đã chủ động ký các hợp đồng cung cấp thời hạn dài với các đối tác uy tín, đây đều là các nguyên vật liệu phổ biến; hơn nữa Công ty còn có các đối tác chiến lược chuyên cung cấp do đó đem lại sự ổn định của nguồn cung cấp cho các hoạt động thương mại của Công ty.

6.4. Cơ cấu chi phí

Việc giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Tận dụng mọi phế phẩm trong quá trình sản xuất, nâng cao năng suất cũng như công năng sử dụng của máy móc là một trong những biện pháp giảm thiểu chi phí của Công ty. Bên cạnh đó Công ty cũng nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp và sử dụng tốt nguồn vốn đã giúp Công ty giảm được rất nhiều các chi phí liên quan tới quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính. Do đó giá thành sản phẩm sẽ bị ảnh hưởng phần lớn bởi giá vốn hàng hóa mua vào.

Bảng 8: Tỷ trọng chi phí của Công ty từ năm 2016 – 2018 (ĐVT: đồng)

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Quý I/2018	
		Giá trị	Tỷ lệ/ DTT	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	148.572.887.879	88,91	197.160.407.157	88,86	46.778.748.573	84,93
2	Chi phí bán hàng	349.836.586	0,21	423.051.553	0,19	80.839.200	0,15
3	Chi phí QLDN	441.502.993	0,25	896.768.841	0,40	319.193.938	0,58

4	Chi phí tài chính	221.790.641	0,13	630.566	0,00	-	-
5	Chi phí khác	-	-	--	-	6.000.000	0,01
Tổng cộng		149.586.018.099	89,5	198.480.858.117	89,45	47.184.781.711	85,67

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của Công ty)

Năm 2016, việc liên kết với Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư nông nghiệp Hồng Hà tạo điều kiện thu mua tới tận hộ nông dân được thuận lợi qua đó giảm được tỉ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần xuống còn 88,91% năm 2016 và 88,86% năm 2017 so với 98,48% năm 2015, nâng cao tỉ suất lợi nhuận của Công ty. Việc đẩy mạnh hoạt động thương mại (doanh thu đạt 38,1 tỷ đồng năm 2016 lên 77,5 tỷ đồng năm 2017) đã kéo theo sự gia tăng về chi phí bán hàng từ gần 350 triệu đồng năm 2016 lên hơn 423 triệu đồng năm 2017. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng tương ứng theo việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ hơn 442 triệu đồng năm 2016 lên xấp xỉ 897 triệu đồng năm 2017. Năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn lên 126 tỷ đồng, tạo ra nguồn vốn kinh doanh ổn định qua đó cắt giảm được đáng kể về chi phí tài chính năm 2017 chỉ còn 630 nghìn đồng.

Quý I năm 2018, giá cả của các mặt hàng nông sản như ngô sấy và sản lát diễn biến tốt trong khi giá cả của các nguyên vật liệu đầu vào gần như không đổi vì đã ký hợp đồng thu mua trước với các hộ nông dân do đó tỉ trọng về giá vốn hàng bán giảm mạnh chỉ còn chiếm 84,93% doanh thu thuần. Các chi phí khác được giữ ở mức ổn định so với năm trước làm cho tỉ trọng về chi phí trong quý I năm 2018 chỉ chiếm 85,67% doanh thu thuần giảm đáng kể so với mức 89,45% của năm 2017.

6.5. Trình độ công nghệ

Các máy móc của Công ty đều là dây chuyền hiện đại, sản xuất ổn định có xuất xứ chủ yếu ở Việt Nam và Trung Quốc. Phòng kỹ thuật và tổ máy ngoài việc đảm bảo cho các máy móc sản xuất tốt còn có nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển các kỹ thuật sản xuất mới nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Bảng 9: Một số máy móc, phương tiện vận tải chính của Công ty

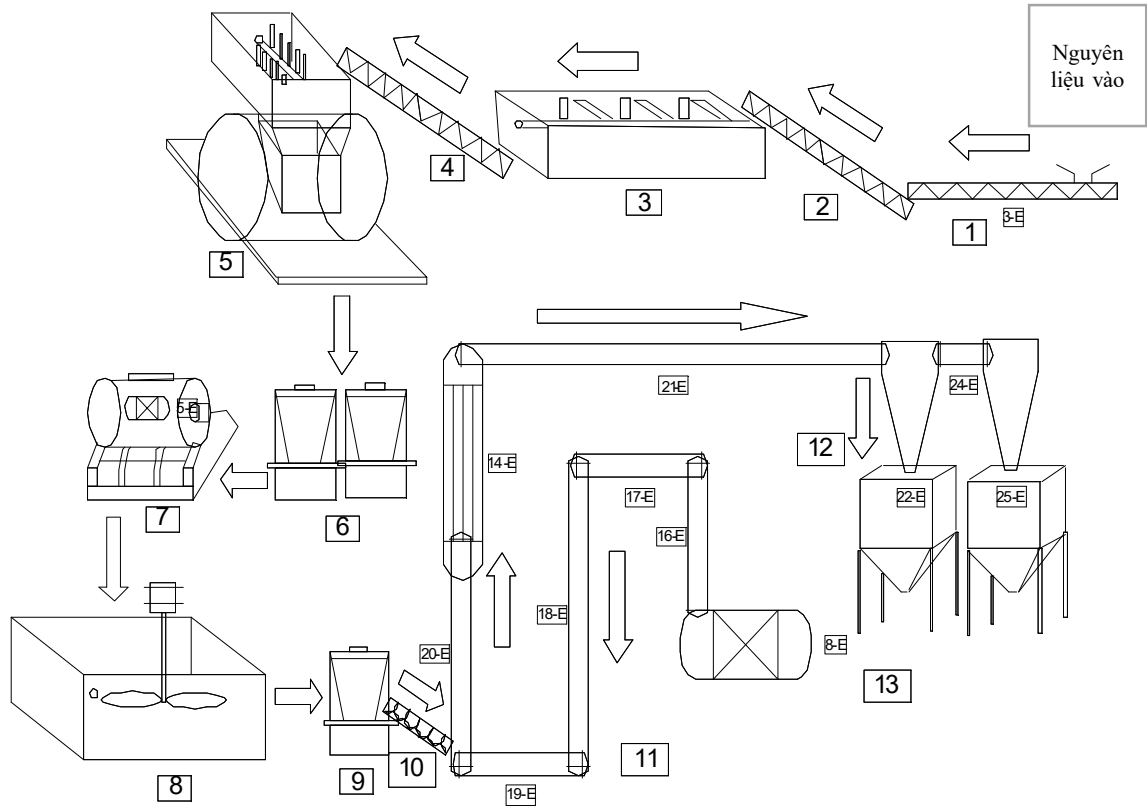
STT	Tên máy móc thiết bị	Công suất	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất
1	Hệ thống dây chuyền sấy ngô	300 tấn/ngày đêm	3	Việt Nam	2012
2	Máy nghiền lõi ngô	5 tấn/h	1	Việt Nam	2012
3	Máy tách ngô liên hoàn	200 tấn/ngày đêm	1	Việt Nam	2012
4	Hệ thống dây chuyền sấy bã sắn	30 tấn/ngày	01	Việt Nam	2014
5	Máy bắn màu 8 họng BUHLER	20-25 tấn/h	01	Trung Quốc	2013
6	Máy nén khí TUS	3,3 m ³ /phút	02	Việt Nam	2013
7	Hệ thống dây chuyền chế biến tinh bột	80-120 tấn/ ngày	01	Việt Nam	2015

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La)

Công nghệ chế biến tinh bột.

Hiện tại hệ thống sản xuất tinh bột của Công ty cho phép sản xuất theo quy trình khép kín từ nguyên vật liệu đầu vào tới quá trình đóng bao thành phẩm. Sản phẩm tạo ra có độ trắng cao, ít tạp chất và độ ẩm tiêu chuẩn.

Hình 10: Công nghệ chế biến tinh bột.

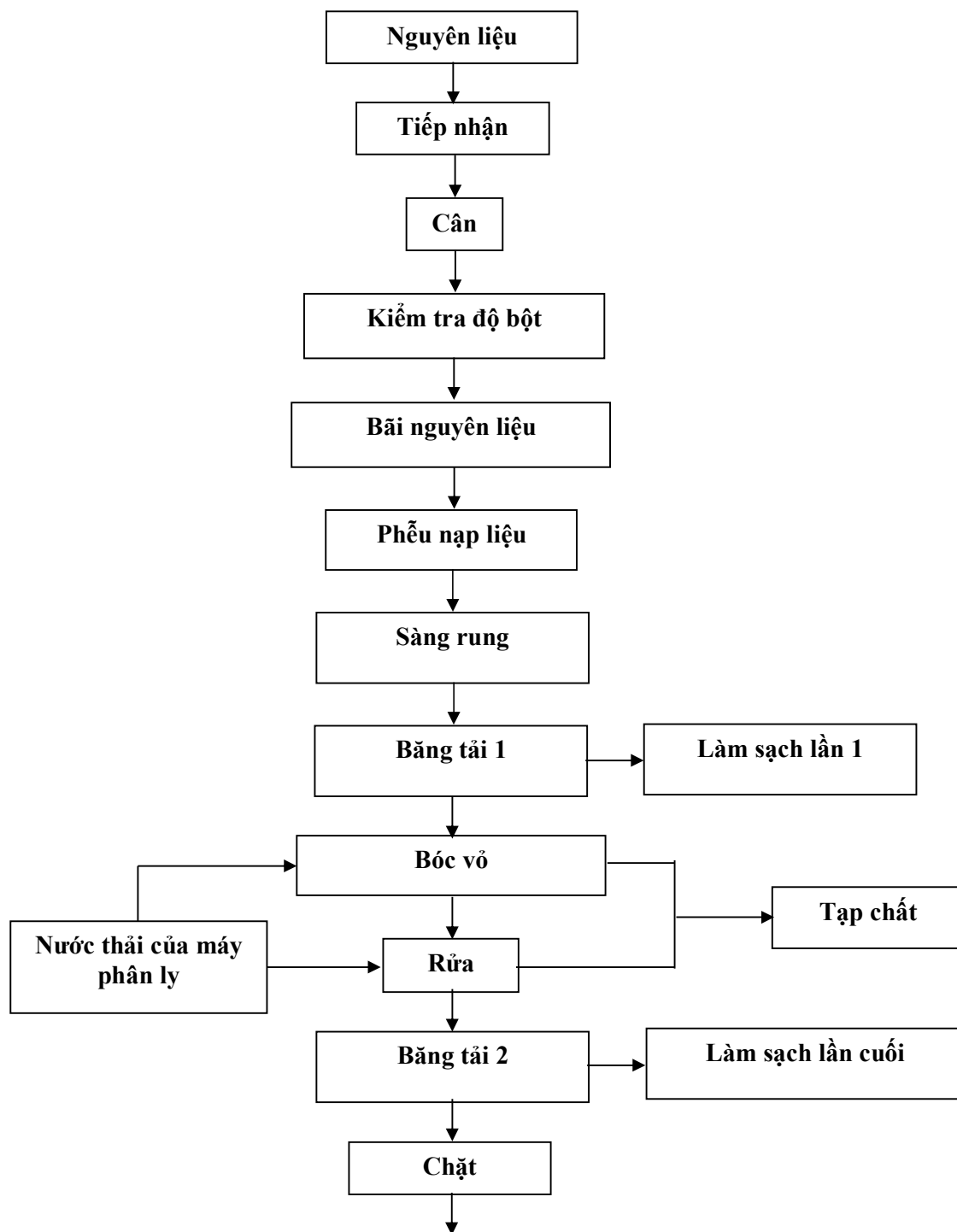


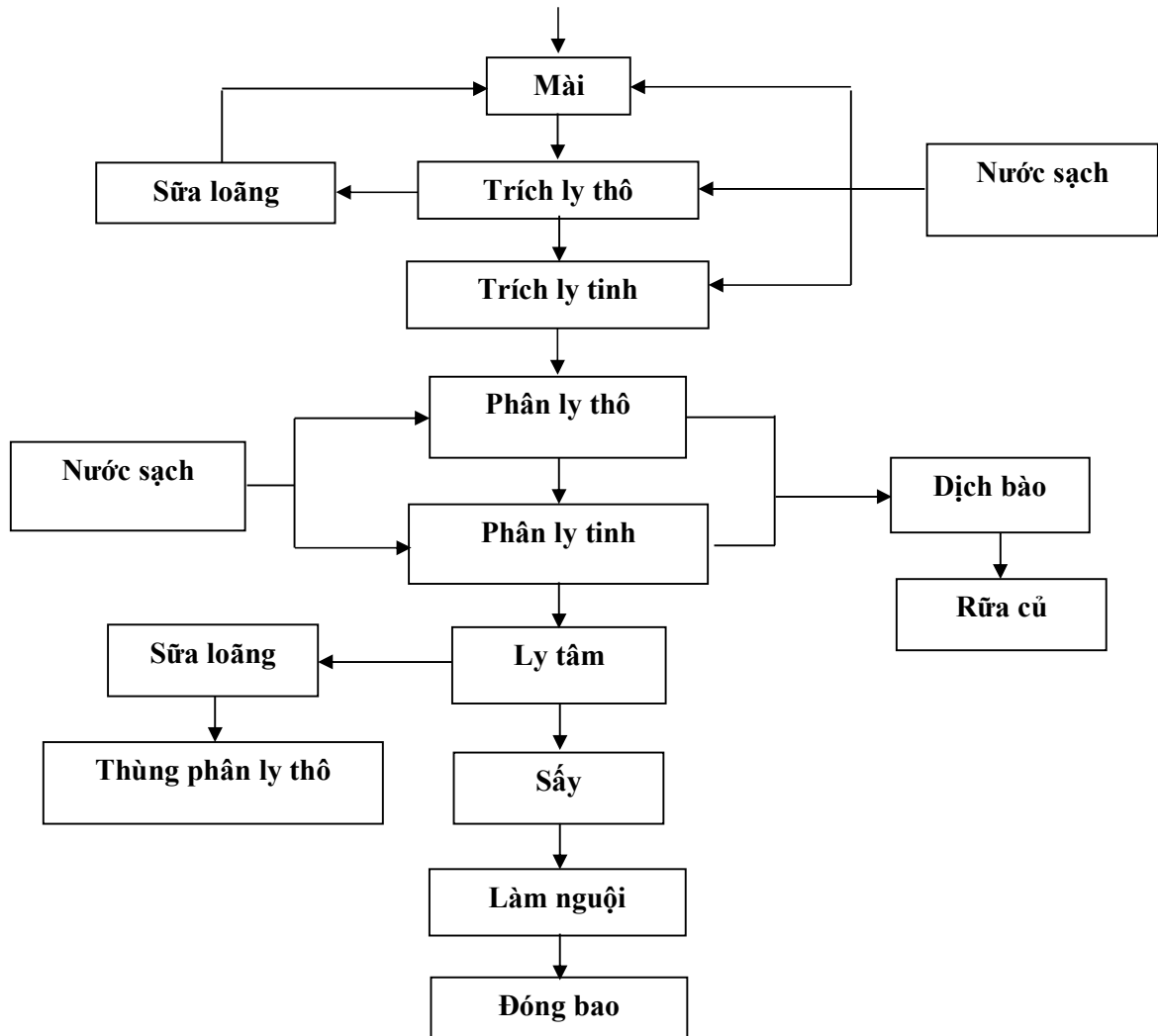
Ghi chú:

- | | | |
|----------------------------|------------------------------|------------------------|
| 1,2,4: Băng tải | 3: thiết bị rửa | 5: Thiết bị băm nghiền |
| 6: Thiết bị ly tâm tách bã | 7: Thiết bị ly tâm tách dịch | |
| 8: Thiết bị rửa tinh bột | 9: Thiết bị ly tâm vắt | |
| 10: Vít tải | 11: Hệ thống sấy khí động | |
| 12: Cylôn | 13: Sàng và đóng gói | |

Quy trình sản xuất tinh bột sắn của Công ty như sau:

Hình 11: Quy trình sản xuất tinh bột sắn.





Quy trình sản xuất bao gồm các công đoạn chính sau:

- Nạp liệu - mài.
- Trích ly.
- Phân ly.
- Ly tâm tách nước.
- Sấy.
- Đóng bao.

Sản nguyên liệu sau khi được thu mua và kiểm tra độ bột bởi Phòng Kiểm tra Chất lượng (KCS) sẽ được tập kết tại bãi nguyên liệu của Công ty. Thông qua hệ thống phễu nạp sàng rung và băng tải sản nguyên liệu sẽ được làm sạch lần 1, sau đó sẽ được bóc vỏ, loại bỏ

tạp chất làm sạch lần cuối và tiến hành chặt với kích thước 1-2 cm. Sản phẩm được đưa qua hệ thống mài mịn và bổ sung thêm dịch sữa để tinh bột thoát ra triệt để.

Hỗn hợp dịch sữa được bơm qua hệ thống trích ly thô với tốc độ quay 1200 vòng/phút loại bỏ bã, sau đó được đưa qua hệ thống trích ly tinh tốc độ quay 980 vòng/phút. Quá trình này loại bỏ hầu hết các tạp chất có kích thước lớn thu được dịch sữa bột có Bolme từ 2-4%.

Dịch sữa bột thu được sẽ được đưa qua máy phân ly, dưới tác dụng của lực li tâm các hạt tinh bột sẽ văng vào thành thiết bị và được phun ra ngoài. Thành phần chủ yếu của sản phẩm sau giai đoạn này là tinh bột, nước và phần rất nhỏ là protein và dịch bào nồng độ 18-20 Bolme. Sau đó dịch này sẽ được bơm vào máy ly tinh nhằm tách bỏ nước trong bột, sau khi tách sẽ thu được bột có độ ẩm từ 30-35%.

Bột ẩm được băng tải truyền tới thùng đánh toại trước khi đưa bột vào sấy trong máy sấy. Bằng quạt hút thổi không khí nóng với nhiệt độ trên 200 độ C, khí nóng trong tháp sấy kéo theo một lượng bột ẩm, làm khô bột và lượng nước trong bột sẽ được tách bỏ ra ngoài. Bột sau khi sấy có độ ẩm khoảng 10% sẽ đi qua hệ thống cyclon để loại bỏ các hạt bột thô và cấu tử nhẹ.

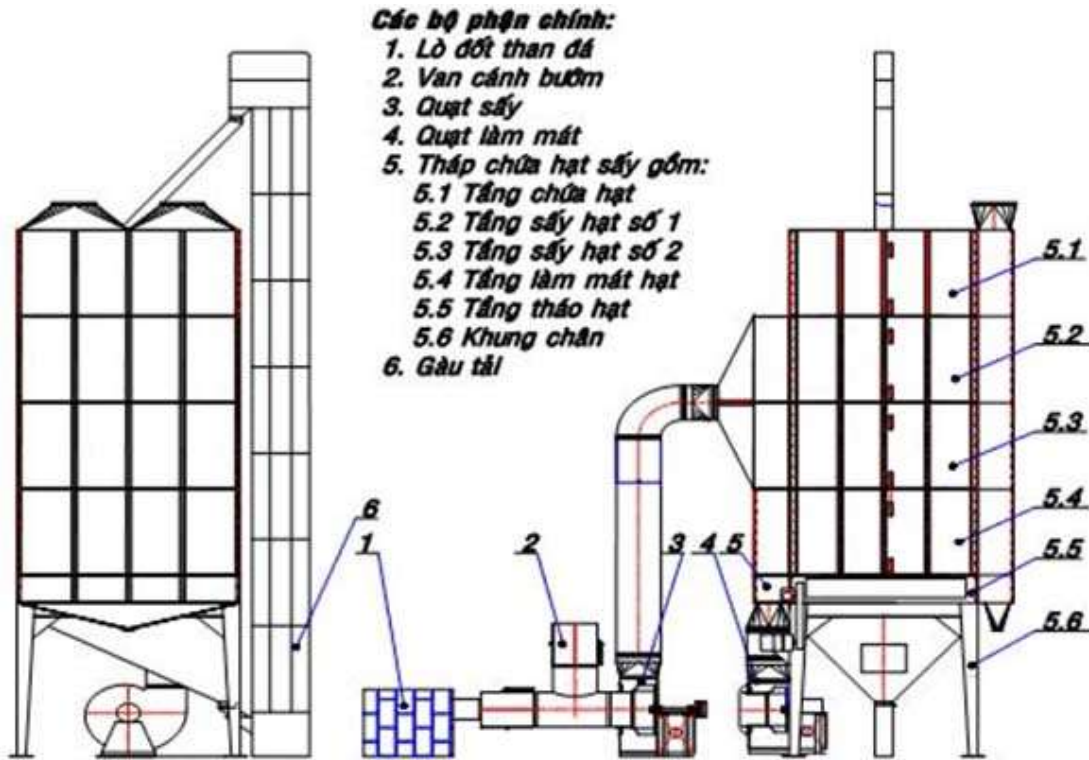
Công đoạn cuối cùng là đóng bao với khối lượng 50kg, thuận tiện cho quá trình vận chuyển và tránh bị ẩm, mốc.

Nước thải trong quá trình này được xử lý qua các bể lắng, hồ biogas và hồ sinh học dùng mem vi sinh phân hủy các chất hữu cơ tiết kiệm chi phí và bảo vệ được môi trường.

Công nghệ sấy ngô

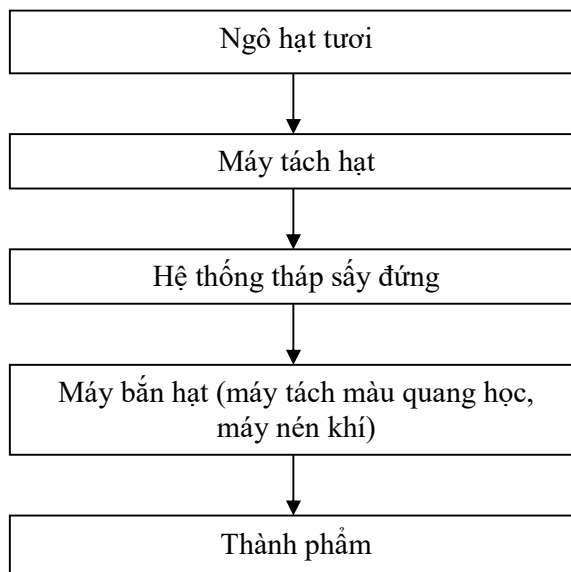
Ngô sấy là một trong những mặt hàng chính của Công ty, do đó dây chuyền và công nghệ sản xuất cũng được chú trọng đầu tư theo quy chuẩn.

Hình 12: Công nghệ sấy ngô



Quy trình sấy ngô như sau:

Hình 13: Quy trình sấy ngô.



Ngô bắp tươi: Ngô dạng bắp nguyên lõi, được thu mua về, đã bỏ vỏ và râu của bắp. Bắp tươi được người dân thu hái về, độ ẩm khoảng >20%. Nên chọn những bắp to, già bắp, hạt đều, mẩy, không mốc, mối mọt. Tránh chọn các bắp lép, ít hạt.

Máy tách hạt: Máy tách hạt có tác dụng tách ngô bắp tươi thành hai phần là ngô hạt tươi và lõi.

Máy xúc lật sẽ xúc ngô bắp tươi vào phễu chứa của máy sau đó bắp ngô sẽ qua máy và được tách riêng phần hạt ngô tươi và lõi. Hạt ngô sẽ được chuyển về nơi tập kết chờ cho quá trình tiếp theo.

Hệ thống tháp sấy đứng: Có tác dụng sấy khô phần hạt ngô tươi ở quá trình trên thành hạt ngô khô tiện cho việc bảo quản.

Lò sấy được thiết kế dạng tháp đứng, phần ngô được đảo liên tục tuần hoàn để được cấp nhiệt đều. Tháp có một trụ cấp nhiệt ở giữa (trụ này được một hệ thống buồng đốt ngoài cấp nhiệt) và lồng chứa ở bên ngoài. Hạt ngô tươi từ chân tháp liên tục được một guồng chuyển lên phía đỉnh tháp. Quá trình này diễn ra liên tục để hạt ngô được chuyển động đều từ đỉnh tháp xuống chân tháp rồi lại lên đỉnh tháp nhằm mục đích cấp nhiệt đều tránh hiện tượng cháy hoặc chỗ khô chỗ ẩm ở mỗi mẻ ngô hạt. Sản lượng sấy trung bình khoảng 30 tấn/1 tháp/10h. Sau quá trình sấy, ngô hạt có độ ẩm 14,5%. Tùy theo độ ẩm của ngô hạt tươi lúc ban đầu mà lựa chọn thời gian sấy cho hợp lý tránh cho ngô hạt khô bị quá khô gây hao hụt trọng lượng. Nhiệt lượng cung cấp cho quá trình sấy được đốt từ lõi ngô (trong quá trình tách hạt) nên đảm bảo tiết kiệm chi phí và không gây ô nhiễm môi trường.

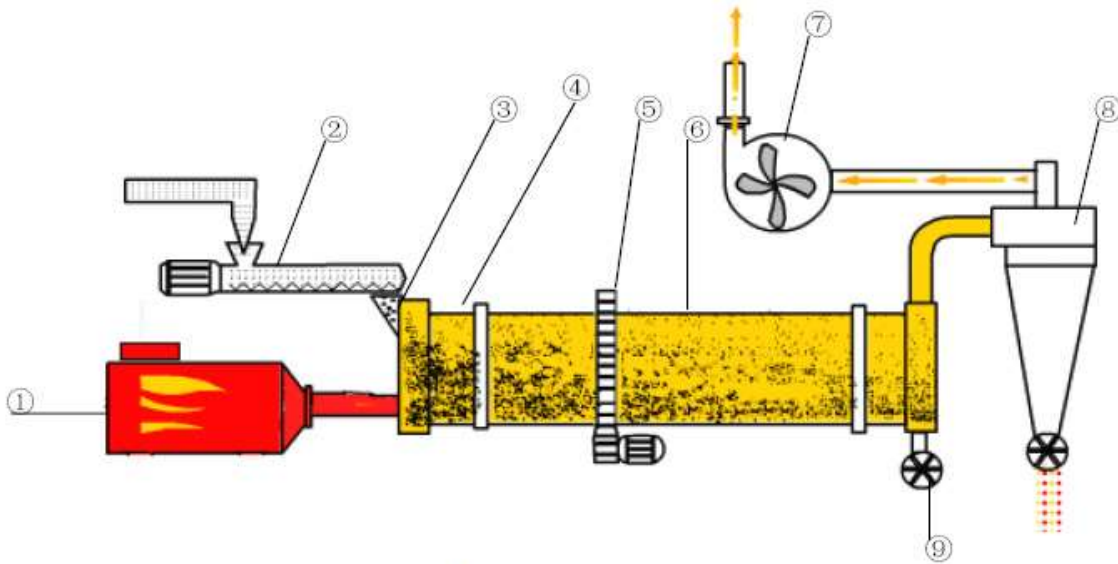
Sau đó ngô sấy được chuyễn qua hệ thống máy bắn màu 8 họng BUHLER công suất 20-25 tấn/h loại bỏ các hạt vỡ, mốc, đen và các tạp chất ra ngoài. Phần ngô hạt đạt tiêu chuẩn được đóng bao và chở về nơi tập kết.

Sắn lát và Bã sắn sấy

Theo nghiên cứu, thành phần củ sắn có khá nhiều chất tạo màu. Các chất này dễ dàng bị oxy hóa để tạo thành chất màu khi tiếp xúc với không khí. Củ sắn rất chóng bị thối khi củ bị sâu sát hoặc gãy khi đào. Củ sắn dài lại dòn nên khi đào và chuyên chở khó giữ cho củ nguyên vẹn. Nếu theo phương pháp đào và vận chuyển như hiện nay tỷ lệ củ nguyên vẹn chỉ khoảng 20 - 30%. Mặt khác củ sắn cũng mất nước nhanh do khuyếch tán qua vết thương do mất vỏ bảo vệ. Vì vậy, sấy sắn lát là phương pháp nhanh và đơn giản nhất để bảo quản chất lượng và giá trị dinh dưỡng của sắn.

Để hạn chế ô nhiễm môi trường cũng như tận dụng tối đa các sản phẩm của quá trình sản xuất, Công ty đã đầu tư lắp đặt dây chuyền sấy bã sản lồng quay 2 chiều công suất 30 tấn/ngày, trong thời gian tới Công ty sẽ đưa ra thị trường sản phẩm này phục cho các công ty thức ăn chăn nuôi và phân bón trong và ngoài tỉnh. Dây chuyền sấy như sau:

Hình 14: Công nghệ sấy sản lát, bã sản

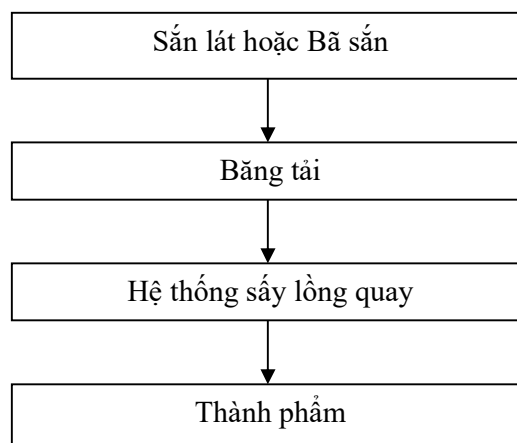


Ghi chú:

- | | |
|-----------------------------|---------------------|
| 1: Buồng đốt cung cấp nhiệt | 2: Cấp liệu đầu vào |
| 3: Máng trượt | 4: Cửa nạp |
| 5: Truyền động quay | 6: Thân lồng sấy |
| 7: Quạt hút khí và hơi nước | 8: Phễu |

Quy trình sấy sản lát và bã sản như sau:

Hình 15: Quy trình sấy sản lát và bã sản



Sắn lát hoặc bã sắn được băng chuyền đưa vào hệ thống sấy lồng quay kết hợp với nhiều bộ phận như bộ phận cung cấp nhiệt, các vít tải, hệ thống tách bụi...cho ra thành phẩm là sắn lát hoặc bã sắn tùy theo từng mục đích sản xuất.

6.6. Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Hiện tại, dây chuyền và phương thức sản xuất của Công ty khá hiện đại so với các doanh nghiệp cùng ngành, tuy nhiên Công ty vẫn liên tục nghiên cứu nhu cầu của thị trường cũng như tìm hiểu hệ thống dây chuyền sản xuất mới của cả trong và ngoài nước, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Phòng Kỹ thuật của Công ty với những cán bộ có kinh nghiệm trong ngành chế tạo máy và nhanh nhạy trong việc tiếp cận công nghệ mới sẽ đảm bảo những dây chuyền và phương thức sản xuất mới được áp dụng một cách tốt nhất. Không chỉ hướng tới khách hàng trong nước, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng để sản phẩm để đáp ứng được các thị trường các nước trong khu vực.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Phòng Kiểm tra Chất lượng – KCS có trách nhiệm kiểm soát chất lượng đối với toàn bộ sản phẩm đầu ra của Công ty. Hệ thống tiêu chuẩn được xây dựng và cập nhật liên tục, toàn bộ sản phẩm sản xuất ra luôn đảm bảo về chất lượng, tính đồng đều, hạn chế tối đa sản phẩm lỗi.

Đối với sản phẩm tinh bột sắn:

- Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn: 13
- Hàm lượng tinh bột, % khối lượng, không nhỏ hơn: 85
- Hàm lượng tro tổng số, % khối lượng, không lớn hơn: 0,2
- Hàm lượng chất xơ, % khối lượng, không lớn hơn: 0,2
- Trị số PH của dung dịch tinh bột 10% (khối lượng/thể tích) trong nước: từ 5 đến 7
- Cỡ hạt, % lọt qua rây cỡ lỗ 150 μ m, không nhỏ hơn: 95
- Độ trắng, % ISO, không nhỏ hơn: 90

Đối với sản phẩm ngô sấy:

- Độ ẩm của sản phẩm từ 13-13,5%
- Kích cỡ hạt tương đối đồng đều
- Hạt mốc, hỏng không quá 2%

Từng khâu của quá trình sản xuất đều có quy chuẩn riêng được tuân thủ nghiêm ngặt, sản phẩm sản xuất ra sau khi qua khâu kiểm tra chất lượng sẽ được đóng bao bì để xuất kho.

6.8. Hoạt động Marketing

Mặc dù mới xuất hiện trên thị trường tuy nhiên nhờ chất lượng tốt và sự uy tín với khách hàng nên các sản phẩm của Công ty đã nhanh chóng được thị trường biết tới và tín nhiệm. Một số đối tác lớn của Công ty như Công ty TNHH Uni Qulus Việt Nam, Công ty Cổ phần US Vico, Công ty TNHH xuất nhập khẩu An Việt Mỹ.... Không chỉ gây dựng được uy tín với khách hàng Công ty còn có các chính sách đối với nhà cung cấp, hộ nông dân. Đây cũng là một cách để thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều người biết tới và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Hoạt động tiếp thị của Công ty được tập trung vào 3 chiến lược chính:

Chiến lược về giá.

Giá thành là yếu tố mang lại lợi thế cạnh tranh lớn trên thị trường và quyết định tới thành công của Công ty. Đối với từng loại sản phẩm và từng thời điểm khác nhau, Công ty sẽ có những chiến lược về giá thích hợp vừa đảm bảo đáp ứng được người tiêu dùng vừa đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Chiến lược sản phẩm.

Chất lượng của sản phẩm luôn được Công ty cải thiện không ngừng nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường đồng thời mở rộng ra các thị trường khó tính khác. Đa dạng hóa các loại sản phẩm thông qua nghiên cứu và phát triển thêm các sản phẩm mới cũng là một trong những chiến lược phát triển của Công ty. Với nhiều loại sản phẩm sẽ giảm được rủi ro đồng thời gia tăng lợi nhuận của Công ty.

Chiến lược truyền thông.

Công ty đã và đang tích cực thực hiện các chiến lược truyền thông để sản phẩm của Công ty được nhiều đối tác biết tới. Cụ thể:

- PR bài viết về Công ty;
- Làm chiến dịch gửi thư ngỏ + Catalogue cho các khách hàng;
- Tham dự các chuyên đề, hội thảo về nông nghiệp, chăn nuôi gia cầm, thủy sản;
- Tham gia hội chợ triển lãm;
- Nhân viên đi thị trường, khai thác khách hàng;

Định hướng tới năm 2020, Công ty sẽ mở rộng thị trường kinh doanh: gồm các tỉnh phía Bắc và một số tỉnh ở miền Trung.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La:



Biểu tượng: được tạo bởi hai chiếc lá cách điệu, đặc trưng cho ngành nông sản là ngành hoạt động chính của Công ty. Bên trong là hình ảnh chữ H đại diện cho thương hiệu Hồng Hà.

Màu sắc chủ đạo: Xanh lá và cam, đặc trưng cho ngành hoạt động của Công ty, cũng thể hiện sự năng động, sáng tạo và khát vọng của nhân viên Công ty.

Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục đăng ký bản quyền nhãn hiệu thương mại.

6.10. Một số hợp đồng đã và đang thực hiện

Bảng 10: Danh sách một số hợp đồng bán hàng đã và đang thực hiện

STT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Mặt hàng	Tổng giá trị HĐ (VNĐ)
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Cường Sinh Yên Châu	2018	Sắn lát	26.548.071.750
2	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu An Việt Mỹ	2018	Sắn lát	13.619.307.850
3	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu An Việt Mỹ	2018	Tinh bột sắn	4.041.960.000
4	Công ty CP Phân Phối Bán Lẻ VNF1	2018	Sắn lát	4.037.172.600
5	Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Đông Dương	2017	Sắn lát	8.355.771.185
6	Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Đông Dương	2017	Ngô hạt	1.450.006.500
7	Công ty TNHH MTV Cường	2017	Ngô hạt	94.068.548.410

STT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Mặt hàng	Tổng giá trị HĐ (VNĐ)
	Sinh Yên Châu (Đơn vị cung cấp hàng trực tiếp cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam – C.P Group)			
8	Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu (Đơn vị cung cấp hàng trực tiếp cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam – C.P Group)	2017	Sắn lát	29.581.195.215
9	Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	2017	Ngô hạt	51.236.656.520
10	Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	2017	Sắn lát	24.215.545.500
11	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu An Việt Mỹ	2017	Ngô hạt	3.414.077.700
12	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu An Việt Mỹ	2017	Sắn lát	3.889.996.500
13	Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	2017	Sắn lát	3.994.711.500
14	Công ty Cổ phần Phân phối và Bán lẻ VNF1 (thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc)	2017	Sắn lát	1.451.224.250
15	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu An Việt Mỹ	2016	Sắn lát	8.461.227.557

STT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Mặt hàng	Tổng giá trị HĐ (VNĐ)
16	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu An Việt Mỹ	2016	Tinh bột sắn	10.937.035.200
17	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu An Việt Mỹ	2016	Ngô hạt sấy	9.774.859.120
18	Công ty Cổ phần US Vico	2016	Ngô hạt	3.910.000.000
19	Công ty Cổ phần US Vico	2016	Hạt đậu xanh	3.502.876.000
20	Công ty Cổ phần US Vico	2016	Đậu tương, Vừng	1.902.000.000
21	Công ty TNHH Uni Qulus Việt Nam	2016	Ngô hạt sấy	7.267.414.570
22	Công ty TNHH Uni Qulus Việt Nam	2016	Sắn lát	6.241.080.000
23	Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu	2016	Ngô hạt sấy	Hợp đồng nguyên tắc (giá trị đã thực hiện 30.696.546.598)
24	Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Đông Dương	2016	Ngô hạt sấy	2.757.687.500
25	Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Đông Dương	2016	Sắn lát	4.901.288.643
26	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lào Việt	2016	Ngô hạt sấy	6.705.022.305

STT	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Mặt hàng	Tổng giá trị HĐ (VNĐ)
27	Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	2016	Sắn lát	5.937.231.300
28	Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	2016	Ngô hạt sẩy	4.983.067.200
29	Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	2016	Sắn lát	12.714.413.950
30	Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	2016	Tinh bột sắn	2.142.294.600
31	Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	2016	Ngô các loại	14.964.207.980
Tổng cộng				407.702.498.003

(Nguồn: Hồng Hà Sơn La)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các thời kỳ (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm so với năm 2016	Quý I/2018
1	Tổng giá trị tài sản	144.357.947.549	169.951.374.692	17,73	177.383.399.406
2	Vốn chủ sở hữu	144.259.467.251	167.938.783.457	16,41	175.903.063.523

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm so với năm 2016	Quý I/2018
3	Doanh thu thuần	167.111.627.366	221.883.474.340	32,77	55.078.106.200
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.538.739.487	24.723.067.183	33,36	8.299.357.627
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.529.234.951	23.679.808.043	35,09	7.970.280.066
6	Lợi nhuận khác	(3.096.865)	(491.837)	-	(6.000.000)
7	Lợi nhuận trước thuế	17.526.138.086	23.679.316.206	35,11	7.964.280.066
8	Lợi nhuận sau thuế	17.526.138.086	23.679.316.206	35,11	7.964.280.066
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
10	LNST/VCSH bình quân (%)	30,7%	15,17%	-	4,63%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của Công ty)

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty liên tục tăng trưởng về quy mô và hoạt động sản xuất vì vậy tổng giá trị tài sản các năm tăng mạnh từ 33,7 tỉ đồng năm 2015 lên 144,3 tỉ đồng năm 2016 và 169,9 tỉ đồng trong năm 2017. Hoạt động góp vốn bằng tài sản, góp vốn bằng cổ phần cũng làm tăng tài sản dài hạn của Công ty.

Năm 2016 với việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư thêm dây chuyền sấy ngô, sản xuất tinh bột và sản lát làm cho doanh thu thuần năm 2017 là 221,9 tỷ đồng, năm 2016 là 167,1 tỷ đồng tăng đáng kể so với 48,2 tỷ đồng của năm 2015. Cùng với đó việc giảm được tỉ trọng chi phí giá vốn hàng bán khá mạnh từ 95,92% năm 2015 xuống còn 88,91% năm 2016 và 88,86% năm 2017 đã làm cho lợi nhuận của Công ty tăng lên đáng kể.

Năm 2016, Công ty tiến hành mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, việc đầu tư thêm dây chuyền sấy ngô công suất 300 tấn/ ngày đêm và sản lát công suất 30 tấn/ ngày đêm đã làm cho doanh thu (chủ yếu tới từ ngô và sản lát) trong năm 2016 và năm 2017 tăng đột biến. Cùng với đó việc chủ động ký kết với thu mua nông sản với các hộ dân mang lại sự chủ động về nguyên liệu và giá cả nhờ đó cải thiện được tỉ suất lợi nhuận trong năm 2016 và 2017.

Năm 2017, Công ty ghi nhận hoạt động sản xuất kinh doanh khá tốt, doanh thu đạt 221,9 tỷ đồng tăng 32,77% so với năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 23,7 tỷ đồng tăng 35,11 % so với năm 2016. Đây được coi là một thành công khi năm 2017 là một năm biến động mạnh của giá sản nguyên liệu ở thị trường trong nước và quốc tế. Từ thời điểm tháng 9/2017 giá thu mua sản nguyên liệu liên tục tăng do sức mua của thị trường Trung Quốc. Điều này không chỉ gây ra khó khăn trong khâu thu mua mà còn khiến cho giá vốn biến động, các đơn hàng ký kết tiềm ẩn rủi ro thua lỗ. Tuy nhiên việc ký kết các hợp đồng cung cấp trước đó với các hộ nông dân cùng dự báo giá nguyên liệu đã hạn chế được tối đa các ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều này chứng tỏ Ban lãnh đạo Công ty đã có những chính sách quản lý, kinh doanh, bán hàng tốt và hoạt động của Công ty đang đi đúng hướng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của quý I năm 2018 của Công ty khá tốt tuy doanh thu thuần chỉ đạt xấp xỉ 55,1 tỷ đồng nhưng nhờ vào diễn biến thuận lợi của giá nông sản lợi nhuận sau thuế đã đạt 7,96 tỷ đồng đảm bảo đúng kế hoạch mà Ban lãnh đạo đã đề ra.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Những nhân tố thuận lợi

Về Nguồn nguyên liệu

Nhà máy của Công ty được xây dựng và lắp đặt trên một trong những địa bàn có sản lượng ngô, sản lớn nhất cả nước. Hơn nữa Công ty còn xây dựng mối quan hệ với các đại lý

thu mua và hộ nông dân, hỗ trợ nông dân trong kỹ thuật canh tác và thu hoạch. Do vậy nguồn nguyên liệu đầu vào luôn đảm bảo về số lượng và chất lượng, giá cả hợp lý tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất.

Về Thị trường tiêu thụ

Tuy không còn là một ngành mới nhưng hoạt động chế biến nông sản vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu trong nước, đa phần các sản phẩm nông nghiệp sản xuất ra đều được bán dưới dạng thô mang lại giá trị thấp và kém hiệu quả. Chính vì vậy nhu cầu của thị trường về các nông sản đã qua chế biến là rất lớn và tiềm năng.

Về Công nghệ sản xuất

Với dây chuyền hiện đại và đồng bộ, sản phẩm của Công ty sản xuất ra luôn đảm bảo về chất lượng cũng như tiêu chuẩn của ngành. Chính vì vậy, sản phẩm của Công ty đã được khách hàng biết tới một cách rộng rãi, qua đó nâng cao vị thế của Công ty trong ngành.

Cơ chế chính sách của Nhà Nước

Những năm gần đây, nông nghiệp và các ngành chế biến sản phẩm nông nghiệp ngày càng được Nhà nước quan tâm thông qua các chính sách về thuế, công nghệ và nguồn vốn... Do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được các cơ quan quản lý tạo điều kiện phát triển.

Những nhân tố khó khăn

Điều kiện tự nhiên, khí hậu

Là một doanh nghiệp hoạt động với nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm nông nghiệp nên bị ảnh hưởng khá nhiều bởi các điều kiện tự nhiên. Đặc biệt ở các tỉnh miền núi phía Bắc tình hình thời tiết luôn diễn biến phức tạp, mưa giông, sạt lở đất... ảnh hưởng nhiều tới chất lượng và sản lượng của nông sản. Công ty đã có những dự báo trước về mùa vụ và tình hình nông sản để có những ứng phó kịp thời đảm bảo sản xuất không bị ảnh hưởng.

Khó khăn về vị trí địa lý

Tuy nằm trong vùng nguyên liệu tạo rất nhiều thuận lợi cho Công ty nhưng đó cũng là điểm hạn chế và khó khăn Công ty gặp phải. Ở vị trí đặc biệt nên thị trường sẽ tập trung ở các tỉnh miền núi và khó khăn trong việc mở rộng thị trường. Nhằm bắt được khó khăn này, Ban quản lý Công ty đã có những biện pháp chủ động như: đầu tư liên kết với Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà (trụ sở ở Hà Nội) để thuận lợi trong quá trình vận chuyển sản phẩm cũng như tiếp thị quảng cáo sản phẩm tới nhiều thị trường hơn, ngoài ra Công ty còn thực hiện các biện pháp tiếp thị, quảng cáo mở rộng thị trường.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trong ngành chế biến nông sản hiện nay có khá nhiều doanh nghiệp tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc và miền Trung, Tây Nguyên. Tuy nhiên phần lớn các doanh nghiệp này đều hoạt động nhỏ lẻ, và thiếu công nghệ hiện đại. Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La tuy mới được thành lập nhưng Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên đều có nhiều kinh nghiệm trong ngành, đồng thời cũng là những người nhanh nhạy trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại tạo ra sản phẩm đạt chất lượng tiêu chuẩn.

So với các doanh nghiệp trong ngành, Công ty có lợi thế vì nằm trong vùng nguyên liệu, chủ động công tác thu mua và ứng phó với các biến động của thị trường nông sản. Thành lập muộn hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành, tuy nhiên Ban lãnh đạo đã xác định công nghệ sản xuất là con đường ngắn nhất giúp Công ty vươn tầm và tạo ra thế mạnh riêng. Do đó hệ thống máy móc của Công ty được đầu tư với công nghệ mới nhất và hoàn toàn đồng bộ. Điều này mang lại hiệu quả về tỉ suất lợi nhuận vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Bảng 12: Đánh giá các công ty cùng ngành của Hồng Hà Sơn La

Tên Công ty	Mã cổ phiếu	Năm thành lập	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Doanh thu năm 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 (triệu đồng)
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	HSL	2015	126.000	Sản xuất chế biến nông sản.	221.883	23.679
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình	GIL	1982	139.246	Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản.	2.169.958	143.520

Tên Công ty	Mã cổ phiếu	Năm thành lập	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Doanh thu năm 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 (triệu đồng)
Thạnh						
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	MCF	2004	80.000	Sản xuất, chế biến kinh doanh các mặt hàng về lương thực, thực phẩm	368.685	9.920
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	VDL	2007	146.572	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm; trồng và sản xuất các loại cây nông sản.	591.146	21.196
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	AGM	1976	182.000	Kinh doanh lương thực	2.255.748	11.265
Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	LAF	1995	147.280,19	Đầu tư gia công, sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị, nguyên	1.300.358	4.111

Tên Công ty	Mã cổ phiếu	Năm thành lập	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Doanh thu năm 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 (triệu đồng)
				phụ liệu phục vụ sản xuất.		

Sản xuất Tinh bột sắn

Hiện nay, tinh bột sắn được sử dụng trong nhiều lĩnh vực và có ứng dụng rộng rãi, vì vậy nguồn cung cấp tinh bột sắn cũng khá đa dạng và sẵn có trên thị trường. Đây chính là khó khăn phải đối mặt để đảm bảo sản phẩm tinh bột sắn của Công ty có chỗ đứng trên thị trường.

Bảng 13: Một số nhà máy chế biến tinh bột quy mô lớn tại Việt Nam

Tỉnh	Tên doanh nghiệp	Công suất (tấn tinh bột/ngày)
Tây Ninh	Tân Trường Hưng	100
	Tân Châu	100
	Sầm Nhứt	80
	Khoai mì Nước Trong	80
Bình Phước	VEDAN	400
	Tinh bột sắn KMC VN	100
Quảng Trị	Nhà máy chế biến tinh bột sắn Hương Hóa	120
	Fococev Quảng Trị	60
Quảng Ngãi	Fococev Quảng Ngãi	130
Bình Định	Công ty cổ phần chế biến tinh bột sản xuất khẩu Bình Định	60
Đồng Nai	VEDAN	100
Đắk Lắk	4 nhà máy	315
Yên Bái	YFACO	100

Sơn La	CTCP Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	80
--------	---------------------------------------	----

(Nguồn: <http://agro.gov.vn>, Số liệu Hồng Hà Sơn La)

Có thể thấy việc đầu tư dây chuyền chế biến tinh bột sắn công suất 80 tấn/ngày đêm đã nâng cao năng lực sản xuất của Hồng Hà Sơn La tương đương với các nhà máy quy mô lớn khác trên cả nước (trừ các tập đoàn và công ty lớn). Hơn nữa, phần lớn các nhà máy chế biến tinh bột lớn đều nằm ở miền Trung và miền Nam, do đó Công ty có nhiều cơ hội gia tăng về thị phần trong lĩnh vực này. Đối với thị trường trong nước sản phẩm của Công ty đã có chỗ đứng trên thị trường nhờ vào dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín từ nguồn nguyên liệu tới khi đạt thành phẩm. Sản phẩm tạo ra đáp ứng mọi tiêu chuẩn về tỉ lệ dinh dưỡng, độ ẩm,... tạo nên sự khác biệt của Công ty so với các sản phẩm khác của doanh nghiệp cùng ngành. Ngoài ra trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Công ty đang hướng tới việc phát triển thị trường nước ngoài, điều mà ít doanh nghiệp trong nước hướng tới.

Sản xuất Ngô sấy

Hiện nay, việc sản xuất ngô sấy đa phần được thực hiện bởi các hộ kinh doanh hoặc doanh nghiệp nhỏ. Các sản phẩm làm ra không được đảm bảo về độ ẩm, tỉ lệ hạt hỏng, nguồn gốc xuất xứ không đảm bảo...do đó khó có thể cạnh tranh hoặc tìm được đối tác ổn định về số lượng và giá cả. Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La hiện nay đã được đầu tư hệ thống sấy ngô gồm 03 tháp sấy liên hoàn đảm bảo công suất dây chuyền, cùng với đó việc đầu tư hệ thống bắn tách màu tự động sẽ đảm bảo về độ đồng đều và chất lượng sản phẩm. Trong năm 2018, Ban lãnh đạo Công ty đã có chủ trương cùng với các hộ nông dân thực hiện gieo trồng đúng giống, thực hiện canh tác đúng kỹ thuật đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào. Thực hiện chuẩn hóa chất lượng sản phẩm, xúc tiến ký kết hợp đồng với các khách hàng lớn như: Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam – C.P Group, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc VNF1...đảm bảo đầu ra ổn định cho Công ty.

Ngoài ra, việc nắm giữ vùng nguyên liệu sẽ tạo lợi thế cho Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Việc tận dụng mọi sản phẩm của quá trình sản xuất cùng với việc sở hữu 46,67% Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà sẽ tiết kiệm được chi phí sản xuất, qua đó giá thành sản phẩm cũng mang tính cạnh tranh cao.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2017 vừa qua mặc dù đứng trước những thử thách rất lớn về thị trường và thiên tai nhưng bức tranh tăng trưởng chung của nông nghiệp vẫn đạt được những mốc quan

trọng. Tốc độ tăng trưởng ngành đạt 2,94%, vượt mục tiêu so với Chính phủ đề ra là 2,84%. Về mục tiêu xuất khẩu nông lâm thủy sản, Chính phủ đề ra là 32-33 tỷ USD, ngành đã đạt con số 36,37 tỷ USD, vượt tới hơn 4 tỷ USD so với năm trước và thặng dư tuyệt đối của ngành đạt 8,55 tỷ USD, tăng hơn 1 tỷ USD so với năm 2016. Năm 2017 cũng đánh dấu một bước ngoặt lớn trong việc xoay trục phát triển các mặt hàng nông sản chủ lực, xác định những ngành hàng có lợi thế. Trước đây, chúng ta coi trọng sản xuất lúa gạo là hàng đầu, nhưng nay chuyển sang ưu tiên phát triển những ngành hàng có giá trị cao như thủy sản, rau quả, sản phẩm đã qua chế biến...

Tiếp bước thành công năm 2018 cũng được kỳ vọng sẽ là một năm phát triển hơn nữa của ngành nông sản. Các sản phẩm như tinh bột sắn, ngô sấy, đậu tương... sẽ vẫn là những mặt hàng thiết yếu trong công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và các ngành liên quan.

Về dài hạn, nông nghiệp vẫn là một trong những ngành kinh tế quan trọng của đất nước. Các sản phẩm nông nghiệp đã qua chế biến ngày càng được sử dụng rộng rãi ở cả trong và ngoài nước và mang lại giá trị lớn hơn cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, Công ty kỳ vọng với xu hướng phát triển ngành cùng định hướng hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ ngày càng được mở rộng và phát triển.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Hiện nay, nhu cầu của con người về các thực phẩm đã qua chế biến ngày càng tăng, các thực phẩm này mang lại sự tiện dụng và vẫn đảm bảo giá trị dinh dưỡng. Hơn nữa cùng với sự phát triển của ngành chăn nuôi, các sản phẩm thức ăn chăn nuôi ngày càng được sử dụng rộng rãi, chính vì vậy tiềm năng phát triển của thị trường về các sản phẩm chế biến nông sản vẫn còn rất lớn.

Năm 2017, đã có gần 2.000 doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực nông lâm thủy sản, tăng 3,8% so với năm 2016, nâng số doanh nghiệp hoạt động trong ngành lên trên 5.600 doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn đã chọn nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ làm hướng đi chính.³

Đây cũng là động lực để doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, hiện đại hóa sản xuất hướng tới nhiều thị trường tiềm năng và mang lại giá trị cao.

³ Số liệu được lấy theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Tiếp tục giữ quan hệ tốt với các đối tác, khách hàng của Công ty, đồng thời mở rộng đối tượng khách hàng trong và ngoài nước và nhà cung cấp nguyên vật liệu.

Không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, minh bạch hơn trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty nhận được thêm nhiều sự quan tâm của công chúng đầu tư, mang đến cho các nhà đầu tư thêm cơ hội lựa chọn trong việc đầu tư tài chính. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư và doanh nghiệp cùng sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tăng cường sự gắn bó lâu dài giữa nhà đầu tư và công ty.

9. Chính sách đối với người lao động

Con người luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

9.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/12/2017 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 51 người.

Bảng 14: Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	31/12/2017
Số lượng nhân viên	51
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trình độ đại học và trên đại học	8
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	9
3. Sơ cấp, trung cấp	6
4. Lao động phổ thông	28
II. Phân theo thời hạn	
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ (GD, PGD, KTT)	3
2. Hợp đồng dài hạn	17
3. Hợp đồng ngắn hạn	31

(Nguồn: Hồng Hà Sơn La)

9.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 tiếng đồng hồ đối với cán bộ văn phòng. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Đối với bộ phận sản xuất được làm 3 ca/ngày, mỗi ca kéo dài từ 6-8 tiếng. Công nhân sản xuất và cán bộ sẽ tập trung làm việc trong những thời điểm mùa vụ, ngoài ra cũng được hưởng các chế độ ưu đãi như cán bộ công nhân viên khác.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là các kỹ năng về marketing và phát triển khách hàng.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương

pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật Lao động. Vào các ngày lễ, Tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty. Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2016 Công ty không thực hiện trả cổ tức cho cổ đông để tập trung cho phát triển kinh doanh. Mức cổ tức dự kiến cho năm 2017 là 10%.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng Việt Nam đồng.

❖ ***Trích khấu hao TSCĐ***

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

Nhà cửa, vật kiến trúc	07-20 năm
Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm

❖ ***Mức lương bình quân của người lao động***

- Lương lao động bình quân năm 2017 của công nhân: 4.500.000 – 5.000.000 đồng/tháng.

- Lương nhân viên văn phòng bình quân năm 2017 là 6.000.000 đồng/tháng.

❖ ***Thanh toán các khoản nợ đến hạn***

- Công ty thực hiện thanh toán đúng hạn các khoản vay và không có nợ quá hạn.

❖ ***Các khoản phải nộp theo luật định***

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn.

❖ ***Trích lập các Quỹ theo luật định***

Năm 2015 và 2016, Công ty bắt đầu có lợi nhuận, hoạt động sản xuất kinh doanh mới đi vào ổn định do đó ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 quyết định không trích lập các quỹ. Việc trích lập các quỹ theo quy định sẽ được Công ty thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 15: Các khoản vay giai đoạn 2016 –2018(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Quý I/2018
1	Vay ngắn hạn	-	-	-
2	Vay dài hạn	-	-	-
3	Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-
Tổng cộng		7.350.000.000	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của của Công ty)

Năm 2015, để phục vụ nguồn vốn hoạt động Công ty tiến hành vay ngắn hạn 7,35 tỷ đồng, tuy nhiên tính tới thời điểm ngày 31/12/2017 khi hoạt động sản xuất kinh doanh đã đi vào ổn định, Công ty đã trả hết khoản vay và không phát sinh các khoản vay mới.

❖ **Tình hình hàng tồn kho**

Bảng 16: Hàng tồn kho giai đoạn 2016 –2018 (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	
1	Công cụ dụng cụ	-	522.113.129	213.635.856
2	Thành phẩm	36.417.819.458	21.586.798.724	38.390.882.454
3	Hàng hóa	-	13.851.082.200	15.519.237.750
4	Nguyên liệu vật liệu	-	-	-
Tổng cộng		36.417.819.458	35.959.994.053	54.123.756.060

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của của Công ty)

Hai sản phẩm chính của Công ty là ngô và sắn đều có thời điểm thu hoạch chính vụ vào cuối năm. Thời điểm thu hoạch ngô là từ cuối tháng 8 tới tháng 10, thời điểm thu hoạch sắn từ tháng 8 tới tháng 2 năm sau do đó thời điểm 31/12 lượng hàng tồn kho của Công ty là khá lớn. Năm 2017, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động thương mại do đó thời điểm

31/12/2017 hàng hóa tồn kho của Công ty còn 13,85 tỷ đồng và thành phẩm sản xuất còn 21,59 tỷ đồng (chủ yếu là sản lát và ngô sấy). Thời điểm tháng 31/03/2018 là lúc đã kết thúc mùa vụ Công ty gia tăng việc sản xuất các mặt hàng nông sản đã thu mua để đảm bảo chất lượng nông sản và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong các tháng không phải là mùa vụ do đó lượng thành phẩm nhập kho của Công ty là khá cao 38,39 tỷ đồng, lượng hàng hóa thương mại cũng gia tăng lên xấp xỉ 15,52 tỷ đồng.

❖ **Tình hình công nợ**

➤ **Các khoản phải thu**

Bảng 17: Các khoản phải thu giai đoạn 2016 -2018 (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Phải thu khách hàng	29.699.951.961	45.565.548.378	38.232.810.551
2	Trả trước người bán	8.718.519.659	14.126.944.641	27.550.869.605
3	Khoản cho vay	-	-	-
4	Phải thu khác	-	113.350.000	6.500.000.000
Tổng cộng		38.418.471.620	59.805.843.019	72.283.680.156

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của của Công ty)

Thời điểm 31/12/2016, tổng các khoản phải thu là trên 38,4 tỷ đồng trong đó khoản phải thu khách hàng xấp xỉ 29,7 tỷ đồng và trả trước người bán là 8,7 tỷ đồng.

Đây cũng là thời điểm chính vụ sản xuất nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra khá mạnh, khoản phải thu khách hàng tăng cao. Bước sang năm 2017 hoạt động thương mại nông sản được đẩy mạnh, thời điểm 31/12/2017, tổng các khoản phải thu là trên 59,8 tỷ đồng trong đó khoản phải thu khách hàng tại thời điểm này là 45,57 tỷ đồng (phải thu Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu: 30,3 tỷ đồng; phải thu Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn: 13 tỷ đồng; phải thu Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Đông Dương: 1,3 tỷ đồng...) các khoản phải thu đều trong thời hạn thanh toán của hợp đồng đã ký kết, hơn nữa đây là các khách hàng quen thuộc luôn đảm bảo thanh toán đúng thời hạn. Đồng thời Công ty cũng tiến hành trả trước người bán 14,13 tỷ đồng, việc chủ động ký

kết hợp đồng trước với hộ nông dân đảm bảo cho nguồn cung ngô và sản nguyên liệu ổn định giá cả khi mùa vụ có biến động. Khoản phải thu khác 113,35 triệu đồng là khoản phải thu về lãi tiền gửi của Công ty.

Thời điểm 31/03/2018 các khoản phải thu của Công ty tăng mạnh, chủ yếu do việc trả trước người bán tăng lên 27,55 tỷ đồng. Để chuẩn bị cho các tháng không phải mùa vụ sản xuất, Công ty đã chủ động ký hợp đồng và thanh toán trước một phần tiền hàng cho hoạt động thương mại nông sản của Công ty.

➤ **Các khoản phải trả**

Bảng 18: Các khoản phải trả giai đoạn 2016 - 2018 (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Phải trả người bán	44.550.000	610.223.459	5.785.940
2	Người mua trả tiền trước	-	392.829.740	1.473.508.940
3	Thuế và các khoản phải nộp	25.833.833	-	
4	Phải trả người lao động	28.000.000	-	
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	1.009.538.036	
6	Phải trả ngắn hạn khác	96.465	-	1.041.003
7	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	
Tổng cộng		98.480.298	2.012.591.235	1.480.335.883

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của Công ty)

Thời điểm ngày 31/12/2017 và 31/03/2018, Công ty đã tiến hành thanh toán gần như toàn bộ các khoản phải trả người bán và vay cá nhân, điều này làm cho các hộ dân và nhà cung cấp cung cấp đầu vào an tâm về khả năng của Công ty và cũng phù hợp với định hướng gắn bó với người nông dân mà Ban lãnh đạo đã đề ra.

❖ **Đầu tư dài hạn**

Bảng 19: Các khoản đầu tư dài hạn giai đoạn 2016 -2018 (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
Tổng cộng		14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của của Công ty)

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2017 Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà là 14 tỷ đồng trên tổng số vốn 30 tỷ đồng (chiếm 46,67%). Việc đầu tư này giúp cho Công ty mở rộng hơn được thị trường tiêu thụ sản phẩm và tiết kiệm được chi phí trong quá trình vận chuyển, nâng cao lợi nhuận bán hàng.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	982,49	61,63
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	612,69	43,76
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	0,07	1,18
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	0,07	1,2

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	4,66	5,45
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	1,67	1,41
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,49	10,67
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,33	15,17
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân	%	19,68	15,07
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	10,49	10,67

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và năm 2017 Công ty)

Về khả năng thanh toán: Các hệ số về thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2016 và 2017 ở mức khá cao về lý thuyết sẽ ảnh hưởng tới khả năng sinh lời của Công ty tuy nhiên các hệ số này cao là do khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty cao đồng thời các khoản nợ đã được Công ty thanh toán phần lớn. Đây là chiến lược của Công ty nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu để sản xuất cũng như gây dựng uy tín đối với các khách hàng.

Về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty ở mức khá thấp 0,07% năm 2016, 1,18 % và 1,2 % năm 2017. Điều này chứng tỏ Công ty có khả năng tự chủ tài chính cao, song điều này cũng thể hiện Công ty chưa khai thác hết được đòn bẩy tài chính nhưng do chiến lược và mục tiêu đặt ra trong từng giai đoạn lãnh đạo Công ty sẽ có những bước đi phù hợp trong các năm tới.

Về các chỉ tiêu năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho của Hồng Hà Sơn La đang duy trì ở mức tốt 4,66 lần năm 2016 và 5,45 lần năm 2017 cho thấy khả năng bán hàng nhanh của Công ty, tuy vậy Công ty vẫn duy trì lượng hàng tồn kho phù hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu thụ của thị trường. Chỉ số Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân luôn ở mức trên cao 1,4 cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.

Về khả năng sinh lời: Các chỉ số về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời đang tăng ở mức ổn định. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2016 là 10,49% năm 2017 là 10,67% ngang với mức bình quân ngành và đang có sự tăng trưởng tốt. Khả năng sinh lời

của Công ty đang ở mức khá cao Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân và LNST/Tổng tài sản bình quân năm 2017 lần lượt là 15,17% và 15,07% cho thấy hiệu quả hoạt động của Công ty. Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần cũng đang được cải thiện 10,67% năm 2017 so với 10,49% năm 2016, đạt mức bình quân ngành và sẽ được nâng cao trong các năm tiếp theo.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 21: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
I. Hội đồng Quản trị		
1	Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Xuân Giáp	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Tiến Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Bùi Quý Ba	Thành viên HĐQT độc lập
5	Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên HĐQT độc lập
II. Ban Tổng Giám đốc		
1	Nguyễn Xuân Giáp	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Tiến Nam	Phó Tổng Giám đốc
III. Ban kiểm soát		
1	Dương Quỳnh Hoa	Trưởng BKS
2	Lê Thị Nam	Thành viên BKS
3	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên BKS
IV. Kế toán trưởng		
1	Đỗ Lê Oanh	Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

12.1.1 Ông LÊ VĂN ĐỨC - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Lê Văn Đức
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/03/1959
- Nơi sinh: Thụy Khuê. Tây Hồ, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 22, Ngõ 105, Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.
- Số CMND: 010271712 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày cấp: 05/06/2006
- Điện thoại liên hệ: 0212 6 255.599
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T4/1986 – T10/2009	Cán bộ xuất nhập khẩu	Công ty Xuất nhập khẩu Từ Liêm
Từ T10/2009- T12/2014		Kinh doanh nông sản tự do
Từ T1/2015 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 2.000.000 cổ phần, chiếm 15,87% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0%)

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thị Hậu	-	Vợ	0	0
2	Lê Thị Thùy Dương	-	Con gái	0	0
3	Lê Thị Khánh Linh	-	Con gái	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT, lương.
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.1.2 Ông NGUYỄN XUÂN GIÁP – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Giáp
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/11/1974
- Nơi sinh: Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 62 đường 158 phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMND: 011639086 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày cấp: 13/09/2012
- Điện thoại liên hệ: 0212 6 255.599
- Trình độ chuyên môn : Đại học (Kinh tế, Xây dựng)
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kiến trúc Đất Việt.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T2/1998 - T6/2007	Phó Giám đốc xí nghiệp X9	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà Hà Nội
Từ T7/2007- T2/2008	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Thiết kế Hà Nội
Từ T10/2008 đến nay	Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kiến trúc Đất Việt
-T8/2016 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 1.250.000 cổ phần, chiếm 9,92% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0%)

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Khánh Vân	-	Mẹ đẻ	0	0
2	Trần Minh Nguyệt	-	Vợ	0	0
3	Nguyễn Vĩnh Kỳ	-	Con Trai	0	0
4	Nguyễn Nhã Uyên	-	Con Gái	0	0
5	Nguyễn Thanh Tùng	-	Em trai	0	0
6	Nguyễn Thị Thu Minh	-	Em gái	0	0
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kiến trúc Đất Việt	-	Đơn vị hiện đang công tác Chức danh: Giám đốc	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao từ HĐQT, Thù lao Tổng Giám đốc
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.1.3 Ông NGUYỄN TIẾN NAM – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó TGĐ

- Họ và tên: Nguyễn Tiến Nam
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/07/1986
- Nơi sinh: Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 17 – Ngõ 29 – Đội Nhân – Vĩnh Phúc – Ba Đình – Hà Nội
- Số CMND: 001086000219 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân Cư
- Ngày cấp: 09/01/2013
- Điện thoại liên hệ: 0212 6 255.599
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Xây Dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
T7/2010 đến T12/2011	Cán bộ kỹ thuật	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cát Tường
T1/2012 đến T11/2016		Kinh doanh Nông sản tự do
T11/2016 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La
T2/2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phần, chiếm: 3,97% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0%)

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Bắc	-	Bố đẻ	0	0
2	Đặng Thị Hương	-	Mẹ đẻ	0	0
3	Nguyễn Thị Thanh Huyền	-	Chị gái	0	0
4	Nguyễn Thị Dung	-	Vợ	0	0
5	Nguyễn Bảo Khanh	-	Con trai	0	0
6	Nguyễn Bảo Anh	-	Con gái	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao từ HĐQT, lương Phó Tổng Giám đốc
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.1.4 Ông BÙI QUÝ BA – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên: Bùi Quý Ba
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh : 29/11/1955
- Nơi sinh: Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 12 Doãn Kế Thiện, Tổ 7, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Số CMND: 010804651 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày cấp: 18-02-2005
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T1/1983- T4/1991	Nhân viên kinh doanh	Hợp tác xã mua bán thành phố Nam Định
Từ T5/1991 – T7/2001		Kinh doanh tự do
Từ T8/2001 – T12/2004	Chuyên viên ban quản lý dự án	Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng.
Từ T1/2005 – T8/2013	Giám đốc xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ đô thị	Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng.
Từ T9/2013 – T10/2016		Kinh doanh nông sản tự do
Từ T11/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần, chiếm 1,59% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 600 cổ phần (tương đương 0,005%)

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Nguyệt	HSL0022	Vợ	100	0,001
2	Bùi Minh Huệ	HSL 0006	Con gái	500	0,004
3	Bùi Tuấn Ngọc	-	Con trai	0	0
4	Bùi Thị Điệp	-	Em gái	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao từ HĐQT
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.1.5 Ông NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Cường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh : 09/10/1962
- Nơi sinh: Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 16, ngõ 553, đường Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- Số CMND: 011499339 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày cấp: 24/11/2005
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T8/1986		Kinh doanh tự do

T7/2008 – T12/2012	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Giang Minh
T1/2013 – T7/2017	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Nông sản Tây Bắc
T8/2017 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 150.000 cổ phần, chiếm 1,19 % vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0%)

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Lan	-	Mẹ đẻ	0	0
2	Nguyễn Huy Tuấn	-	Anh trai	0	0
3	Nguyễn Thị Ngọc Vân	-	Chị gái	0	0
4	Lê Thị Hồng Hà	-	Vợ	0	0
5	Nguyễn Hà Anh	-	Con gái	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT.
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.2 Ban Tổng Giám đốc

12.2.1 Ông: NGUYỄN XUÂN GIÁP – Tổng Giám đốc

Vui lòng xem mục Hội đồng quản trị 12.1.2

12.2.2 Ông NGUYỄN TIẾN NAM – Phó Tổng Giám đốc

Vui lòng xem mục Hội đồng quản trị 12.1.3

12.3 Ban kiểm soát

12.3.1 Bà DƯƠNG QUỲNH HOA – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Dương Quỳnh Hoa
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh : 21/03/1975

- Nơi sinh: Yên Dũng, Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P12A05 tầng 12A – 71 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Số CMND: 011875141 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày cấp: 06/04/2010
- Điện thoại liên hệ: 0212 6 255.599
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm Soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 1998 đến T10/2016	Nhân viên kế toán	Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng
Từ T11/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 150.000 cổ phần, chiếm 1,19 % vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0%)

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
1	Dương Giới	-	Bố đẻ	0	0
2	Nguyễn Thị Toàn	-	Mẹ đẻ	0	0
3	Dương Quỳnh Anh	-	Em Gái	0	0
4	Phạm Trung Thắng	-	Chồng	0	0
5	Phạm Dương Minh	-	Con	0	0
6	Phạm Quang Minh	-	Con	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS, lương
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.3.2 Bà LÊ THỊ NAM – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Thị Nam
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh : 06/04/1990
- Nơi sinh: Quảng Long, Quảng Xương, Thanh Hoá.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Quảng Long, Quảng Xương, Thanh Hoá
- Số CMND: 173447989 Nơi cấp: CA Thanh Hóa
- Ngày cấp: 13-05-2015
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
T6/2013 đến T8/2014	Kế toán quản trị	Công ty TNHH TM và DV HIQ Việt Nam
T9/2014 – T11/2016	Kế toán viên	Công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen
T11/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0%)

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
-----	-----------	---------------	-------------	-------------------------	-----------

1	Lê Thành Trung	-	Bố đẻ	0	0
2	Vũ Thị Đài	-	Mẹ đẻ	0	0
3	Lê Thị Nhị		Chị gái	0	0
4	Lê Thị Vân	-	Chị gái	0	0
5	Lê Thanh Toàn	-	Em trai	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.3.3 Ông NGUYỄN ANH DŨNG - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh : 08/09/1991
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 3, ngách 4, ngõ Ao Dài, Tổ dân phố số 2, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
- Số CMND: 013112768 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày cấp: 13-08-2008
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2013 – 2014	Kế toán viên	Công ty T&T Consulting
2014 - 2015	Kế toán viên	Công tác tại Công ty CP ĐT&XD An Phát
Từ T11/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,4 % vốn điều lệ

- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (0% vốn điều lệ)

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Kiện	-	Bố đẻ	0	0
2	Phạm Thị Lan	-	Mẹ đẻ	0	0
3	Nguyễn Thị Lan Hương	-	Em gái	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.4 Kế toán

12.4.1 Bà ĐỖ LÊ OANH - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Đỗ Lê Oanh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh : 30/12/1989
- Nơi sinh: Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thị Trấn Nếnh, Việt Yên, Bắc Giang.
- Số CMND: 121918922 Nơi cấp: CA Bắc Giang
- Ngày cấp: 28/10/2006
- Điện thoại liên hệ: 0212 6 255.599
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2012 - 2014	Kế toán	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Vietwoodee
T1/2015 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,4% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

STT	Họ và tên	Mã Cổ đông	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Thuyên	-	Mẹ đẻ	0	0
2	Đỗ Thị Lê Na	-	Chị gái	0	0
3	Đỗ Thị Lê Duyên	-	Chị gái	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

13. Tài sản

Bảng 22: Tình hình tài sản của Công ty giai đoạn 2016 -2018

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		31/03/2018	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	31.409.058.979	29.574.493.712	31.409.058.979	26.798.045.602	31.409.058.979	27.453.909.417
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	9.994.000.480	9.417.718.394	9.994.000.480	8.997.924.358	9.994.000.480	8.892.975.849
2	Máy móc thiết bị	21.415.058.499	20.156.775.318	21.415.058.499	17.800.121.244	21.415.058.499	18.560.933.568
II	Tài sản vô hình	-	-	-			
Tổng cộng		31.409.058.979	29.574.493.712	31.409.058.979	26.798.045.602	31.409.058.979	27.453.909.417

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC quý I/2018 của của Công ty)

Bảng 23: Danh sách một số TSCĐHH có giá trị lớn của Công ty

STT	Tên tài sản	Nguyên giá (đồng)
1.	Nhà xưởng 01 sản xuất ngô sấy (564,25 m ²)	955.472.738
2.	Hồ cấp liệu nhà xưởng số 01 sản xuất ngô sấy (320 m ³)	172.339.200
3.	Nhà xưởng 02 sản xuất ngô sấy (893 m ²)	1.754.619.980
4.	Hồ cấp liệu nhà xưởng số 02 sản xuất ngô sấy (420 m ³)	259.350.000
5.	Nhà xưởng 03 sản xuất ngô sấy (644 m ²)	915.758.000
6.	Hồ cấp liệu nhà xưởng số 03 sản xuất ngô sấy (135 m ³)	83.362.500
7.	Nhà văn phòng 2 tầng (512,5 m ²)	2.203.750.000
8.	Nhà xưởng số 1 sản xuất tinh bột sắn (448 m ²)	860.160.000
9.	Kho chứa thành phẩm tinh bột sắn	771.120.000
10.	Nhà xưởng số 2 sản xuất tinh bột sắn (225 m ²)	420.750.000
11.	Kho chứa thành phẩm tinh bột sắn	114.660.000
12.	Bệ đỡ dây truyền	128.520.000
13.	Bể chứa nước thải (250 m ³)	340.000.000
14.	Hồ chứa nước thải (4000 m ³)	240.000.000
15.	Bể nước	217.600.000
16.	Sân đường nội bộ	267.300.000
17.	Khu vực chứa bã thải	32.640.000

18.	Trạm cân điện tử 80 tấn	200.000.000
19.	Trạm biến áp 250KVA số 1	658.750.000
20.	Trạm biến áp 250KVA số 2	843.600.000
21.	Máy tách màu quang học Sortex	865.426.133
22.	Dây chuyền sấy ngô	3.150.000.000
23.	Dây chuyền sấy sản lát và bã sản	5.200.000.000
24.	Dây chuyền chế biến tinh bột	10.000.000.000

(Nguồn: Hồng Hà Sơn La)

Thông tin chi tiết về Bất động sản Công ty đang quản lý và sử dụng:

Khu đất tại Nhà xưởng sản xuất tinh bột sản:

- Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La;
- Diện tích: 1.700 m² (Một nghìn bảy trăm mét vuông);
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 1.700 m²
- Thời hạn sử dụng: 20 năm kể từ ngày 30/12/2016;
- Căn cứ pháp lý: Biên bản thỏa thuận sử dụng đất số: 01/2016/BBTT ngày 30/12/2016 có xác nhận của UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Khu đất tại Nhà xưởng sản xuất Ngô sấy và Sản lát:

- Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La;
- Diện tích: 3.423,2 m² (Ba nghìn bốn trăm hai mươi ba phẩy hai mét vuông);
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 3.423,2 m²;
- Thời hạn sử dụng: 20 năm kể từ ngày 30/12/2016;
- Căn cứ pháp lý: Hợp đồng thuê đất số: 001/HĐTĐ ngày 30/12/2016 có xác nhận của UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 24: Kế hoạch kinh doanh năm 2017 - 2019 của Công ty

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2017		Dự kiến năm 2018		Dự kiến năm 2019	
		Kế hoạch đề ra (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Giá trị (tỷ đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2017	Giá trị (tỷ đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2018
1	Doanh thu thuần	200	221,88	250	12,67%	285	14%
2	Lợi nhuận sau thuế	25	23,7	26,7	12,66%	30,6	14,61%
3	Vốn điều lệ	126	126	126	-	126	-
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12,5%	10,55%	12,8%	-	13,1%	-
5	Cổ tức	10%	-	14%	-	16%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017, BCTC kiểm toán năm 2017, căn cứ kế hoạch kinh doanh của Công ty)

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, Công ty đã đặt ra chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh năm 2017 với doanh thu 200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 25 tỷ đồng. Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, Công ty đã vượt chỉ tiêu về doanh thu, tuy nhiên do sự biến động của thị trường sản trong năm 2017 chỉ tiêu lợi nhuận đã đạt thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

13 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Tháng 11/2016, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 126 tỷ đồng. Sau khi hoàn thành tăng vốn, Công ty đã thực hiện các hoạt động đầu tư và bổ sung vốn lưu động nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch trong các năm tiếp theo.

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, năm 2016 doanh thu của Công ty đạt 167,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 17,5 tỷ đồng; năm 2017 là trên 221,9 tỷ đồng doanh thu tăng 32,77%, 23,7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế tăng 35,43%, và mục tiêu lợi nhuận đặt ra cho năm 2018 và 2019 lần lượt là 26,7 tỷ đồng và 30,6 tỷ đồng. Đây là mục tiêu hoàn toàn phù hợp với tốc độ phát triển ngành nói chung và của Công ty nói riêng.

Trong năm 2018, Công ty vẫn tiếp tục ký kết hợp đồng thu mua nông sản với các hộ nông dân, đảm bảo ổn định về số lượng và giá cả nguyên liệu đầu vào. Cùng với đó Công ty dự kiến ký kết hợp đồng với các đối tác lớn của Công ty như Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu dự kiến 130 tỷ đồng (ngô sấu: 95 tỷ đồng; sắn lát: 35 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn dự kiến 80 tỷ đồng (ngô sấu: 55 tỷ đồng; sắn lát: 25 tỷ đồng), ngoài ra việc xúc tiến ký kết hợp đồng với các đối tác lớn như Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam – C.P Group và Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc VNF1 sẽ mang lại đầu ra ổn định cho các sản phẩm trong những năm tiếp theo. Giá sắn nguyên liệu và tinh bột sắn trong năm 2018 dự kiến sẽ ổn định trở lại, do đó việc sản xuất tinh bột sắn sẽ mang lại tỉ suất lợi nhuận lớn hơn cho Công ty.

Ngoài việc ổn định và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện tại công ty cũng kỳ vọng vào nguồn thu từ các hoạt động đầu tư.

14 Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

Tuân thủ pháp luật

- Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Quản lý, công tác tổ chức

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Tài chính:

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới.

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường tìm kiếm các sản phẩm mới, nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm phân phối.
- Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tăng cường tìm kiếm, mở rộng các khách hàng mới và chăm sóc tốt các khách hàng truyền thống của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, hàng hóa, con người. Hợp lý hóa các khâu sản xuất, thiết lập các định mức, biên độ sản xuất hợp lý tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp...

Phát triển nguồn nhân lực:

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La. Căn cứ trên năng lực của Công ty dựa trên hiệu quả hoạt động kinh doanh và triển vọng ngành phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra trong năm 2018 và 2019 có thể thực hiện được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn chuyên nghiệp dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không bao hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này cũng chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông**
- 2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.**
- 3. Mã chứng khoán: HSL**
- 4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: 12.600.000 cổ phiếu**
- 5. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký niêm yết theo mệnh giá: 126.000.000.000 đồng.**
- 6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là **4.370.000** cổ phiếu chiếm **34,68%** vốn điều lệ.

Bảng 25: Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian trong 6 tháng tiếp theo
1	Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	2.000.000	1.000.000
2	Nguyễn Xuân Giáp	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.250.000	625.000
3	Nguyễn Tiến Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	500.000	250.000
4	Bùi Quý Ba	Thành viên HĐQT	200.000	100.000

5	Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên HĐQT	150.000	75.000
6	Dương Quỳnh Hoa	Trưởng BKS	150.000	75.000
7	Lê Thị Nam	Thành viên BKS	20.000	10.000
8	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên BKS	50.000	25.000
9	Đỗ Lê Oanh	Kế toán trưởng	50.000	25.000
Tổng			4.370.000	2.185.000

7. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được tính theo công thức sau

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

Bảng 26: Giá trị sổ sách của một cổ phiếu

(ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Vốn chủ sở hữu	144.259.467.251	167.938.783.457
Cổ phiếu đang lưu hành	12.600.000	12.600.000
Giá trị sổ sách một cổ phiếu	11.449	13.328

8. Phương pháp tính giá

a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân.}$$

Trong đó:

- P: giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
 - BVS: giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
 - P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành nông nghiệp, thực phẩm xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Giá trị sổ sách của cổ phiếu (Book Value per share) được tính theo công thức

$$\text{BVS} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu - Cổ phiếu quỹ}}$$

Bảng 27: Giá trị sổ sách cổ phiếu tại các thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016, 31/12/2017

Đơn vị: đồng

THỜI ĐIỂM	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Vốn chủ sở hữu	12.733.329.165	144.259.467.251	167.938.783.457
Tổng số lượng cổ phiếu	1.200.000	12.600.000	12.600.000
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Giá trị sổ sách/cổ phiếu	10.611	11.449	13.328

Bảng 28: P/B của các Doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị: đồng

Tên Công ty	Sở Giao dịch	SLCP đang lưu hành ngày 31/12/2017	VCSH ngày 31/12/2017	Giá trị sổ sách ngày 31/12/2017	Giá cổ phiếu ngày 12/03/2018	P/B
		(1)	(2)	(3)= (2)/(1)	(4)	(5)= (4)/(3)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL)	HSX	13.885.908	559.818.052.831	40.316	43.500	1,08
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (MCF)	HNX	8.000.000	117.081.546.537	14.635	14.110	0,96
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng(VDL)	HNX	14.657.150	183.610.488.924	12.527	27.600	2,20

Công ty Cổ phần Xuất khẩu An Giang (AGM)	HSX	18.200.000	360.078.516.034	19.785	8.620	0,44
Bình quân						1,17

(Nguồn: Website của HNX, HSX)

Bảng 29: Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
Vốn chủ sở hữu	167.938.783.457 đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	12.600.000 cổ phiếu
Book Value 31/12/2017	13.328 đồng
P/B tham chiếu	1,17 lần
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B	15.601 đồng/cổ phiếu

b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân.}$$

Trong đó:

P: giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành nông nghiệp, thực phẩm mà Công ty xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Bảng 30: P/E của một số doanh nghiệp trong ngành

Tên công ty	Sở giao dịch	SLCP đang lưu hành ngày 31/12/2017	EPS năm 2017 (đồng)	Giá cổ phiếu ngày 12/03/2018	P/E

			(1)	(2)	(2)/(1)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL)	HSX	13.885.908	11.013	43.500	3,95
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (MCF)	HNX	8.000.000	1.095	14.110	12,89
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng(VDL)	HNX	14.657.150	1.446	27.600	19,09
Công ty Cổ phần Xuất khẩu An Giang (AGM)	HSX	18.200.000	619	8.620	13,93
Bình quân					12,46

Bảng 31: Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
Lợi nhuận sau thuế năm 2017	23.679.316.206 đồng
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành	12.600.000 cổ phần
EPS năm 2017	1.879 đồng/cổ phần
P/E tham chiếu	12,46 lần
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E	23.420 đồng/cổ phiếu

❖ Tổng hợp kết quả tính giá

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được ước tính là trung bình cộng gia quyền 02 mức giá với tỷ trọng giá tính theo phương pháp P/B là 50%, tỷ trọng giá tính theo phương pháp P/E là 50%:

Bảng 32: Tổng hợp phương pháp tính giá

Phương pháp	Tỷ trọng	Giá cổ phiếu (đồng)
Theo phương pháp P/B	50%	15.601
Theo phương pháp P/E	50%	23.420
Trung bình giá		19.511

Căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán thời điểm hiện tại và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo **Công ty quyết định chọn giá niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên của Công ty là: 16.500 đồng/cổ phần thấp hơn 15% so với mức giá tính toán trên.**

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Hồng Hà Sơn La không giới hạn tỉ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nước ngoài vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tuân theo quy định hiện hành tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: “Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”. Hiện tại, ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty không thuộc danh mục ngành nghề, đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục 4, Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014, do đó tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La là 49%.

Tại thời điểm ngày 19/12/2017, Hồng Hà Sơn La không có cổ đông nước ngoài.

10. Các loại thuế có liên quan

Về thuế TNDN: Công ty có trụ sở chính tại Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam, thuộc địa bàn kinh tế khó khăn theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ. Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018), và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn kinh tế

có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Riêng thuế giá trị gia tăng, Công ty thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại nên không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế sử dụng đất, thuế môn bài...

PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Lầu 1, tòa nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28)-3820 8116 Fax: (84-28)-3820 8117

Website : <https://www.vcbs.com.vn/>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : Số 01, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 024.3824.1990

Fax : 024.3825.3937

Website : <http://www.aasc.com.vn/>

PHẦN VII: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	Tài liệu
I.	Các quy định chung
1.	Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2015 quy định về dân sự;
2.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và ban hành ngày 26/11/2014;
3.	Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 quy định về hoạt động thương mại;
4.	Luật đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 quy định về hoạt động đầu tư;
II.	Các văn bản liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
1.	Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 16/03/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án quy hoạch phát triển vùng trồng sản nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020 , định hướng đến năm 2025;
2.	Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
3.	Thông tư số 31/2017/TT-BTNMT ngày 27/09/2017 về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
III.	Các văn bản về thuế
1.	Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11, Luật sửa đổi bổ sung số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;
2.	Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, luật Thuế GTGT số 31/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12;
3.	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008; Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung ngày 19 tháng 6 năm 2013;
4.	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12;
5.	Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành

	Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12.
IV.	Các văn bản liên quan tới hoạt động chứng khoán
1.	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 11, ban hành ngày 29/06/2006;
2.	Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 12 ban hành ngày 24/11/2010;
3.	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
4.	Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
5.	Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
6.	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7.	Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013.
8.	Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

PHẦN VIII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận ĐKKD;
- 2. Phụ lục II** : Điều lệ Công ty;
- 3. Phụ lục III** : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, 2017 và Báo cáo quý I/2018 của Công ty.
- 4. Phụ lục IV** : Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên thông qua niêm yết.
- 5. Phụ lục V** : Báo cáo về các tranh chấp pháp luật

Sơn La, ngày 12 tháng 08 năm 2018

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA



[Signature]
CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Đức
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Giáp
TỔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

[Signature]

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH



[Signature]
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Tống Minh Tuấn

